



MARD



Hội thảo

Hành động tập thể và sự tham gia của các hộ sản xuất nhỏ vào thị trường - Một cơ hội thoát nghèo -

Hanoi, 11 May 2006

www.markets4poor.org

Nguyễn Minh Tú:

Phát biểu tại Hội thảo về □Collective action and the participation of small farming households in the market- an opportunity to escape poverty□

“HY VỌNG NHỮNG Ý TƯỞNG MỚI VỀ MỘT ĐỀ TÀI CŨ”

Kính thưa các vị đại biểu

Hội thảo chúng ta bàn về một chủ đề không phải là mới rất quan trọng và hy vọng rằng sẽ có được những ý tưởng mới, phương pháp tiếp cận mới đối với một vấn đề rất quan trọng nhưng rất khó giải quyết, nhất là ở các nước nghèo, đang phát triển: nông dân.

Tôi xin nêu ba vấn đề quan trọng sau đây muốn cùng chia sẻ với các vị đại biểu.

Một là, đất nước ta đã trải qua trên 20 năm Đổi mới, đã đạt được nhiều thành quả rất to lớn có ý nghĩa lịch sử như Đại hội Đảng lần thứ X đã khẳng định, ở đây xin không nhắc lại. Nhưng thách thức các thành quả ấy là một loạt các vấn đề nan giải đã, đang và tiếp tục nổi lên không thể xem thường như: tính thiếu bền vững của kết quả đấu tranh chống nghèo đói, hố cách biệt giữa giàu và nghèo, giữa nông thôn và thành thị đang và chắc chắn tiếp tục doãng ra nhanh, suy thoái môi trường nặng nề, v.v.

Ở đây tôi xin nhấn mạnh vấn đề nông nghiệp, nông thôn là một vấn đề nan giải. Nghị quyết HN BCH Trung ương IV khoá VIII năm 1998 đã nêu vấn đề công nghiệp hoá nông nghiệp, hiện đại nông thôn như là một chương trình nghị sự lớn đòi hỏi nỗ lực lớn của Đảng, Nhà nước và nhân dân tập trung giải quyết. Nhà nước cũng đã có nhiều chính sách, chương trình hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn, mà kết quả đạt được chưa tương xứng với nỗ lực mà chúng ta đã bỏ ra. Vẫn còn khoảng 80% dân số sống ở nông thôn và khoảng 60% lao động hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp; mức sống của nông dân vẫn còn rất thấp; dịch vụ xã hội cơ bản cho nông dân, nhất là nhân dân vùng sâu, vùng xa, miền núi, hải đảo còn nghèo và thiếu thốn.

Hai là, Việt nam đã tiến một bước dài trên con đường hội nhập kinh tế quốc tế và tham gia tích cực vào quá trình toàn cầu hoá như là một tất yếu khách quan, trong đó chúng ta đã thấy rõ lợi ích, thấy được cơ hội, kết quả đạt được chứng minh rõ ràng, nhiều thách thức đã, đang và tiếp tục hiện hiện ra

buộc chúng ta phải đối mặt, truwocs hết là cạnh tranh thị trường khắc nghiệt đối với hàng triệu hộ kinh tế nông dân. Giờ là lúc chúng ta không còn bàn nhiều đến nên hay không nên hội nhập, mà vấn đề là cần xem xét lại, chúng ta đã hội nhập thế nào, chí phí và cái giá hội nhập có thể giảm được không, lợi thế so sánh của nước ta đã được khai thác đến mức nào, và nhất là tới đây cần phải làm gì để chúng ta có thể đạt được lợi ích cao hơn, nhất là xem xét tác động của nó tới nông nghiệp, nông thôn và nông dân. Trên lĩnh vực này vẫn còn nhiều trở ngại: xuất khẩu nông sản ngày càng lớn mà thu nhập của nông dân còn thấp; sự bấp bênh về giá cả nông sản đe dọa mức thu nhập vốn đã thấp của người dân; sự đe dọa của thiên nhiên khắc nghiệt rất dễ đưa hàng loạt gia đình nông dân quay trở lại nghèo đói; phương thức sản xuất nông nghiệp nói chung còn lạc hậu, sản xuất còn manh mún trên rất nhiều mảnh ruộng nhỏ bé dẫn đến năng suất, hiệu quả thấp và tiêu hao sức lực và thời gian của người lao động; mức thu nhập thấp và lao động nặng nhọc đang làm nông dân khó khăn trong tiếp cận các dịch vụ giáo dục, y tế, xã hội có chất lượng cao với giá cả ngày càng tăng nhanh.

Ba là, nông dân, nông nghiệp, nông thôn luôn là vấn đề lớn của Việt nam, cả trong quá khứ hiện tại và tương lai. Tục ngữ Việt nam có câu “ dễ vạn lần không dân cũng chịu khó vạn lần dân liệu cũng xong”, mà đa số dân ấy là nông dân. Khung khổ pháp luật, chính sách, thể chế tác động đến dân nếu trúng và đúng vào lợi ích của dân sẽ tạo nên sức mạnh to lớn, góp phần tạo nên một sự chuyển biến về chất lượng của phát triển.

Bốn là, công cuộc đổi mới 20 năm vừa qua ở nước ta có một thành quả lớn là giải phóng người dân thoát khỏi xiềng xích của cơ chế kế hoạch hoá tập trung quan liêu bao cấp: kinh tế hộ tự chủ; kinh tế tư nhân được khuyến khích; đầu tư nước ngoài được chào đón... Một mặt cái tiềm năng kinh tế ấy cần được tiếp tục “cởi trói”, mặt khác tiềm năng ấy(kinh tế hộ, sáng kiến cá nhân) dù được cởi trói đến mức tối đa sẽ vấp phải giới hạn mà tự bản thân nó không thể vượt qua được. Đã đến lúc cá nhân, kinh tế hộ, doanh nghiệp phải hợp tác với nhau. Có một điểm sáng là trong khi hợp tác xã(kiểu cũ) thoái trào, hợp tác xã theo Luật hợp tác xã thành lập rất khó khăn thì hiện có trên 320.000 tổ hợp tác (mà thực chất là hợp tác xã) do dân, chủ yếu là nông dân tự thành lập, tự tổ chức, quản lý đem lại lợi ích đích thực cho thành viên; khoảng 18.000 hợp tác xã tuy còn nhiều vướng mắc về mô hình, pháp luật, chính sách song đã thể hiện tính hữu ích của mình cho xã viên; nhiều hình thức hợp tác và tập thể khác của nông dân bước đầu phát huy tác dụng tốt. Các hình thức tổ chức đó

trước hết giúp xã viên giảm chi phí và nâng cao hiệu quả sản xuất, tăng sức cạnh tranh, do vậy tiếp cận thị trường tốt hơn.

Tôi chia sẻ với các vị đại biểu bốn vấn đề trên để đưa ra ý kiến rằng đã đến lúc kinh tế Việt nam cần một chất lượng phát triển mới, cần một sự hoàn thiện và bổ sung mới về chất khung khổ pháp luật, chính sách, thể chế kinh tế, nhất là đối với nông dân. Một mặt cần rà soát một cách kỹ càng các khung khổ pháp luật, chính sách, thể đã ban hành, mặt khác cần bổ sung mới để giải quyết một cách hiệu quả các vấn đề và nan giải mà chúng ta đang đối mặt. Để làm tốt điều này đòi hỏi phải có một sự cộng hưởng nỗ lực của nhiều phía: Chính phủ, các cơ quan chính quyền từ trung ương tới địa phương, các cơ quan và các nhà nghiên cứu, các nhà tài trợ và chuyên gia quốc tế và tác nhân không thể thiếu được là người dân, nông dân. Trong đó, vào trò của các nhà nghiên cứu, các cơ quan nghiên cứu là rất quan trọng, rất cần những nghiên cứu có chiều sâu và từ đó đề xuất các kiến nghị cụ thể thiết thực.

Xét cho cùng điều chúng ta mong mỏi là chính sách, thể chế phải đáp ứng được lợi ích của dân, có sức lan toả không chỉ một bộ phận nhỏ nông dân mà tới tất cả người dân, mọi nông dân, đảm bảo cho nỗ lực lao động cực nhọc của họ được gặt hái thành quả xứng đáng và được hưởng lợi ích chính đáng từ thành quả đổi mới và phát triển chung của đất nước mà họ đóng góp không phải là nhỏ.

Xin chúc các vị đại biểu dồi dào sức khỏe, xin chúc hội thảo thành công tốt đẹp.

HOẠT ĐỘNG TẬP THỂ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ THÚ Y CHĂN NUÔI

Hội thú y huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn

Bùi Thị Thái


Nguyễn Văn Duy

Vũ Trọng Bình

Dư văn Châu

A. Dịch vụ dịch vụ thú y

Hệ thống thú y nhà nước

- Pháp lệnh thú y (tháng 4/2004) quy định phạm vi hành nghề và điều kiện hành nghề thú y (điều 52, 53).
 - Dịch vụ thú y: Chẩn đoán, tiêm phòng, chữa trị, chăm sóc sức khỏe động vật, kinh doanh thuốc TY và các chế phẩm, kiểm dịch động vật
 - Mọi thành phần tư nhân, tổ chức có thể hành nghề nếu có chuyên môn và giấy phép hành nghề
- Hệ thống tổ chức thú y nhà nước có 4 cấp 
- Hệ thống thú y cấp huyện, xã các hoạt động tập trung vào:
 - Tiêm phòng gia súc gia cầm
 - Quản lý thuốc và các chế phẩm thú y
 - Kiểm dịch động vật
- Chẩn đoán chữa trị chủ yếu do các TY tư nhân đảm nhiệm

Hiện trạng công tác thú y tại địa phương (1)

- Tình hình thú y
 - Tỷ lệ tiêm phòng/năm cho đàn GS ở huyện thấp: trung bình đạt trên 30%
 - Dịch bệnh lở mồm long móng, cúm gà đã xảy ra ở một số xã và có nguy cơ tái phát và có thể trên diện rộng
 - Chủ yếu là chữa bệnh, tiêm phòng vaccine chỉ được thực hiện 2 lần/năm
- Nguồn lực
 - Hệ thống nhà nước thiếu cán bộ: Trạm thú y huyện miền núi có 03 người
 - Đội ngũ thú y tư nhân ít về số lượng, kém về chuyên môn
 - Trong khi chăn nuôi là hoạt động quan trọng, có xu hướng phát triển nhanh
- Hỗ trợ từ phía các dự án phát triển
 - 1996-2002: Các chương trình quốc tế hoạt động trên huyện đã hỗ trợ đào tạo TYVCS, thành lập các tủ thuốc giúp người dân tiếp cận với dịch vụ thú y

Hiện trạng công tác thú y tại địa phương (2)

■ Những vấn đề của các thú y viên cơ sở – TYVCS

- Số cán bộ thú y phần lớn chưa trở thành thú y chuyên nghiệp
- Hạn chế về trình độ: khả năng chẩn đoán và điều trị bệnh
- Chưa tạo được lòng tin với người chăn nuôi: tay nghề thấp, giá cung ứng thuốc cao và chủng loại không đa dạng
- Thiếu thông tin về các loại bệnh, thuốc thú y và trang thiết bị cần thiết
- Hoạt động thú y chưa trở thành hoạt động chính của TYVCS (thời gian)
- Chất lượng thuốc thú y mua tại địa phương không đảm bảo, giá cao
- Thu nhập từ hoạt động thú y thấp

■ Chính sách địa phương:

- Có chính sách hỗ trợ phát triển thú y cơ sở nhưng thiếu ngân sách thực hiện
- Chưa có Mô hình về tổ chức thú y cơ sở cho hiệu quả
- Chưa có chiến lược đào tạo TYCS

B. Giải pháp tác động cải thiện dịch vụ thú y ở địa phương

Giả thiết nghiên cứu, tác động

- Để tăng hiệu quả của hoạt động thú y ở địa phương, cần khuyến khích sự hợp tác thông qua việc thúc đẩy hoạt động tập thể của các TYVCS.
- Thúc đẩy quá trình phi tập trung hoá hoạt động thú y cho phép:
 - huy động và sử dụng tốt hơn nguồn lực TYV tư nhân
 - giảm áp lực lên hệ thống nhà nước
 - tăng khả năng tiếp cận dịch vụ thú y đối với các nông hộ nghèo ở các vùng sâu, vùng xa và khó khăn

Hiệp hội thú y một mô hình kết hợp 2 dịch vụ Công – Tư

- Từ hiện trạng của dịch vụ thú y, một mô hình kết hợp có thể được xây dựng với giả thiết.
 - Dịch vụ công về thú y có thể được cung cấp thông qua các hợp đồng uỷ thác giữa Trạm thú y huyện và Hội nghề nghiệp của các thú y viên tư nhân.
 - Hội có thể cung cấp những dịch vụ thú y vừa có tính chất là dịch vụ hàng hoá vừa mang tính dịch vụ công (hay còn gọi là dịch vụ bán công)

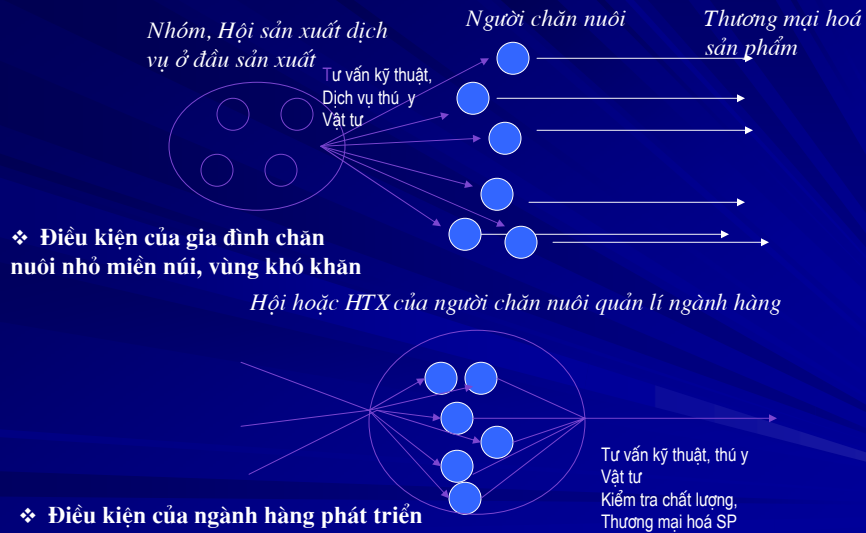
Lợi ích kinh tế - xã hội liên quan đến hoạt động thú y được điều chỉnh giữa 3 khu vực



Hội thú y và tiến trình phi tập trung hoá dịch vụ thú y



2 loại hình hợp tác thúc đẩy phát triển ngành hàng



C. Hội thú y và các hoạt động tập thể phát triển dịch vụ thú y

Hội thú y huyện Chợ đôn, tỉnh Bắc cạn

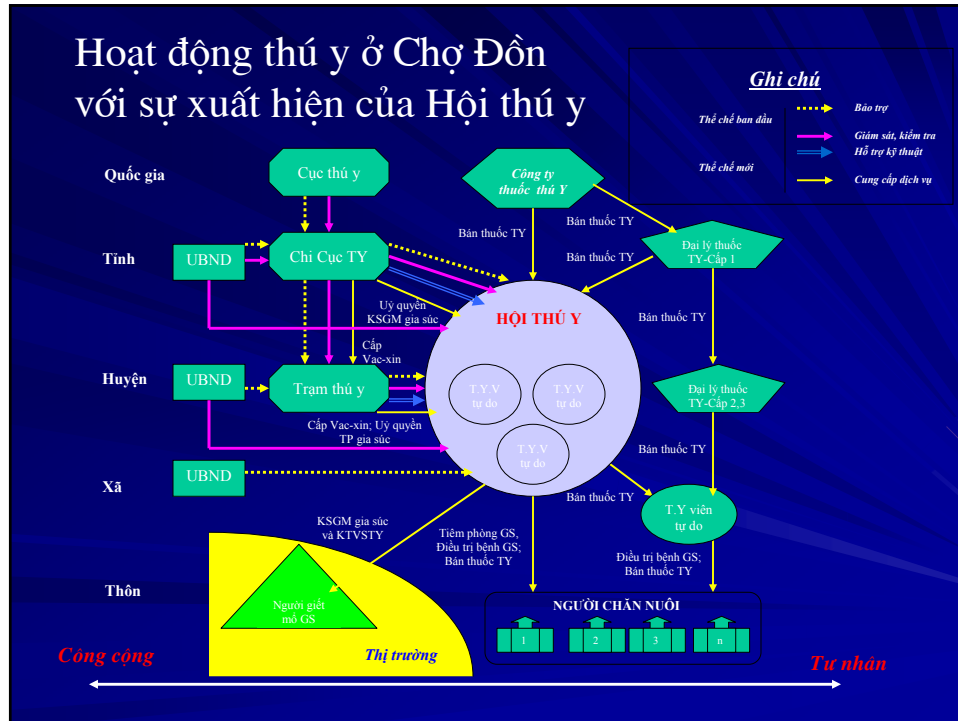
Hội và những dịch vụ thú y chính của Hội

1. Hội thú y là tổ chức nghề nghiệp của những người hành nghề thú y tại các xã/thôn, được thành lập theo nghị định 88/CP tháng 7 năm 2003. Hội có tư cách pháp nhân, hoạt động theo điều lệ và quy định của pháp luật.
2. Hội là sự tập hợp các thú y tư nhân, tự do hợp tác nhằm cung cấp các dịch vụ, thuốc thú y, tư vấn kỹ thuật chất lượng cao, giá rẻ, tại chỗ.
3. Ngoài việc tổ chức cung cấp các dịch vụ thú y theo cơ chế thoả thuận với các hộ chăn nuôi, Hội còn thực hiện các hợp đồng uỷ thác: dịch vụ tiêm phòng, kiểm soát giết mổ gia súc, kiểm tra vệ sinh thú y... với trạm và chi cục thú y.
4. Hội sẽ đứng ra tổ chức đào tạo và tự đào tạo nâng cao năng lực và phát triển mạng lưới thú y cơ sở ở huyện

Hoạt động tập thể trong Hội thú y

1. Mua chung thuốc TY, vaccine, trang thiết bị.
2. Chia sẻ kinh nghiệm, hợp tác trong điều trị bệnh gia súc
3. Trao đổi thông tin, cập nhật về chủng loại bệnh, thuốc điều trị.
4. Nâng cao khả năng chuyên môn cho các thành viên thông qua tập huấn
5. Cung ứng các dịch vụ thú y cho người chăn nuôi như tiêm phòng, điều trị bệnh, thuốc thú y,...
6. Nhận các hợp đồng uỷ thác cung ứng dịch vụ thú y từ hệ thống thú y nhà nước

Hoạt động thú y ở Chợ Đồn với sự xuất hiện của Hội thú y



D. Kết quả và tác động của các hoạt động tập thể

Quy mô của hội

Số TT	Diễn giải các chỉ tiêu	Số lượng
1	Quy mô (hội viên – người)	24*
2	Vùng tác động (xã/huyện)	12/22*
3	Số lượng dịch vụ (dịch vụ)	4

* 11 Hội viên chính thức thuộc 10 xã, 13 hội viên danh dự ở các xã và trị trấn còn lại

* Mới mở rộng thêm hai xã

Kết quả hoạt động của Hội thú y

Hoạt động của Hội thú y	Trước khi thành lập	Hiện nay
Thu nhập của các hội viên (1000đ/tháng).	150-300	700-900
Tiêm phòng gia súc (tỷ lệ %)	38	61
Điều trị khỏi bệnh (tỷ lệ %)	50- 79	90- 95
Kiểm soát giết mổ ở các chợ xã (số chợ)	-	6/7
Kiểm soát dịch bệnh GS tại địa phương	Thông tin cho trạm TY	

Tác động của Hội đến tình hình sản xuất chăn nuôi trong vùng

Chỉ tiêu	Khi chưa có hội	Khi đã có Hội
Tình trạng phát sinh ổ dịch	Lở mồm long móng, cúm GC	Không
Tăng số đầu gia súc ở nhiều nông hộ (con lợn/hộ)	2-4	5 -7
Tăng thu nhập cho hộ chăn nuôi		X
Một số bệnh giảm rõ rệt (Lepto)		Hầu như không còn

E. Kinh nghiệm hỗ trợ xây dựng từ Hội thú y huyện Chợ Đồn

Các bước chính hỗ trợ thành lập Hội

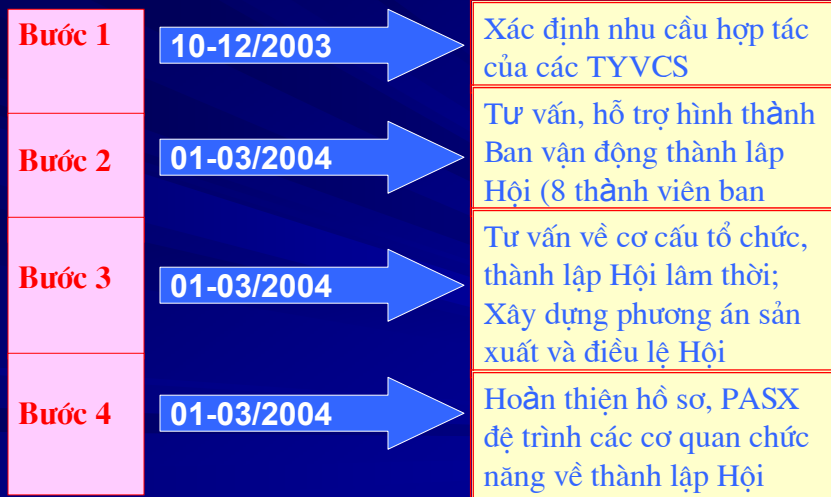
- Hỗ trợ nâng cao nhận thức về công tác thú y cho người chăn nuôi
- Đào tạo nâng cao tay nghề cho thú y viên
- Hỗ trợ thành lập Hội (xác định nhu cầu, định hướng hoạt động, cơ cấu tổ chức,...)
- Xây dựng quan hệ đối tác:
 - Với trạm thú y, chi cục thú y
 - Với chính quyền tỉnh, huyện, xã
- Tư vấn sau thành lập

Hỗ trợ nâng cao nhận thức công tác thú y cho người chăn nuôi

- Nội dung tuyên truyền tập huấn: Đưa những thông tin liên quan tới tình hình dịch bệnh hiện nay khi chăn nuôi phát triển
- Kết quả tuyên truyền, tập huấn:

Số buổi đã TT	Số thôn đã TT	Số lượt người được TT	Ghi chú đối tượng được tuyên truyền
35	45	1845	- Ban lãnh đạo cho 10 xã; thôn và - Đại diện các nông hộ trong đó có các hộ nghèo của các thôn;

Hỗ trợ thành lập hội



Xây dựng quan hệ đối tác

- **Xây dựng hợp đồng uỷ thác dịch vụ thú y**
 1. Ủy thác tiêm phòng: (số lượng xã, phân chia lợi nhuận, trách nhiệm)
 2. Ủy thác kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y: (địa bàn, phân chia lợi nhuận, trách nhiệm)
- **Hỗ trợ Hội từ phía các cơ quan và chính quyền**
 1. Đào tạo chuyên môn từ trạm thú y huyện, chi cục thú y tỉnh
 2. Hỗ trợ về quản lý: Đào tạo kế toán, quản lý
 3. Hỗ trợ chính sách

Nội dung tư vấn sau thành lập

■ Tư vấn tổ chức:

- Tư vấn quản lí
- Tư vấn kế toán, quản lí tài chính
- Tư vấn về tổ chức và quản lí các hoạt động tập thể
- Tư vấn xây dựng hợp đồng

■ Tư vấn kỹ thuật:

- Tư vấn lập kế hoạch nâng cao trình độ của các thành viên thông qua các lớp đào tạo chuyên môn của Hội và của chi cục/trạm thú y (đang đào tạo 6 thành viên trung cấp thú y)
- Đào tạo khác như kiểm soát giết mổ,...

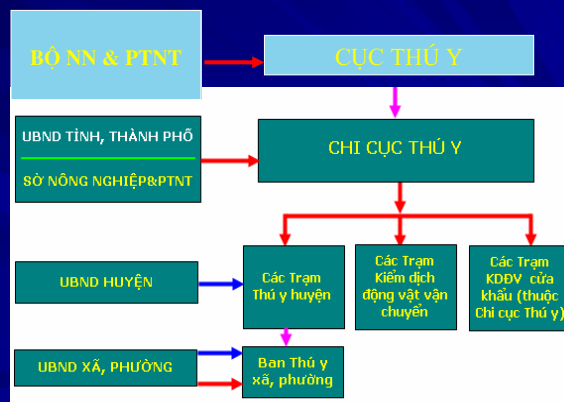
F. Kết luận

Kết luận

- Tạo ra dịch vụ thú y tại chỗ để cung ứng cho người chăn nuôi:
- Chuyên nghiệp hoá đội ngũ TY tư nhân, huy động được nguồn lực tại chỗ
- Tăng thu nhập cho các thú y viên, Hội có khả năng tự chủ tài chính thông qua các HĐTT
- Chia sẻ gánh nặng cho nhà nước
- Mô hình Hội nghề nghiệp kiểu Hội thú y Chợ đồn có khả năng thích ứng cao ở nông thôn hiện nay đặc biệt đối vùng sâu, vùng xa, miền núi.

Hệ thống tổ chức thú y nhà nước

- Tổ chức 4 cấp
- Cấp huyện có các trạm thú y và trạm KDDV
- Cấp xã có Ban thú y



HOẠT ĐỘNG TẬP THỂ TRONG HỘI NÔNG DÂN SẢN XUẤT GIỐNG LÚA HUYỆN NAM SÁCH

Nhóm thực hiện: *Ôu Thị Thu Giang, Lê Đức Thịnh,
Bùi Thị Thái, Phạm Công Nghiệp, Trần Ngọc Hân*

Mục đích bài giới thiệu

1. Chia sẻ kinh nghiệm về tổ chức hoạt động tập thể trong trường hợp sản xuất và cung ứng dịch vụ giống lúa tại địa phương
2. Chia sẻ kinh nghiệm trong việc hỗ trợ xây dựng hình thức tổ chức Hiệp hội
3. Thông qua kinh nghiệm xây dựng và hoàn thiện tổ chức sản xuất giống > tìm được một số thuận lợi và khó khăn trong việc thúc đẩy và thành lập mô hình
4. Thông tin đến các cấp, các ngành một loại hình hợp tác mới trong nông thôn

Nội dung trình bày

Phần 1

- Tình hình sản xuất và cung ứng giống lúa trong ngành hàng giống vùng ĐBSH

Phần 2

- Những giả thiết nghiên cứu đặt ra để xây dựng tính bền vững cho tổ chức nông dân

Phần 3

- Hoạt động tập thể trong sản xuất và dịch vụ giống lúa của *Hội nông dân sản xuất giống huyện Nam Sách*

Phần 4

- Kinh nghiệm hỗ trợ thúc đẩy hoạt động tập thể của nông dân

Phần 1

**Sản xuất lúa giống ở đồng bằng sông hồng
nhu cầu giống lúa của nông dân**

Đồng bằng sông hồng diện tích trồng lúa chiếm 80 %
⇒ có thể nói cây lúa là cây trồng chính của vùng

Hệ thống cung ứng giống địa phương:

- Đáp ứng 15 % > Thiếu nguồn giống cung cấp cho nông dân
- Giá giống đầu vào cao gây khó khăn cho hộ gia đình nhất là các hộ nông dân nghèo
- Chất lượng giống cung ứng nhiều khi không đảm bảo
- Nông dân không chủ động được nguồn giống đặc biệt là những giống phù hợp với điều kiện địa phương > Giảm sự đa dạng sinh học
- Điều kiện mua giống khó khăn, nhất là những vùng sâu và nông dân nghèo....> Do vậy, phải sản xuất giống lúa ở địa phương

Các thách thức đặt ra cho việc phát triển dịch vụ sản xuất giống lúa

- Làm thế nào để sản xuất được giống lúa tại chỗ nhằm cung cấp cho nông dân nhất là đối với các hộ nông dân nghèo với giá rẻ, chất lượng và thuận lợi cho việc mua bán
- Mô hình sản xuất lúa giống cần tổ chức như thế nào để bảo đảm tính bền vững của hoạt động sản xuất.

Phần 2

Những giả thiết đặt ra để xây dựng tính bền vững cho tổ chức nông dân

- Sự hợp tác của nông dân trong lĩnh vực sản xuất giống, bảo đảm cho nông dân tăng hiệu quả kinh tế từ sản xuất nông nghiệp trên chính mảnh ruộng của gia đình
- Sự hợp tác của nông dân có thể bảo đảm cho người sản xuất giống có thể sản xuất ra giống chất lượng cao, giá thành hợp lý
- Sự xuất hiện của hình thức tổ chức này cho phép nông dân nghèo có khả năng tiếp cận nguồn giống dễ dàng hơn \Rightarrow thúc đẩy nhu cầu cung ứng giống trong nông dân địa phương \Rightarrow thúc đẩy khả năng hợp tác trong lĩnh vực sản xuất giống

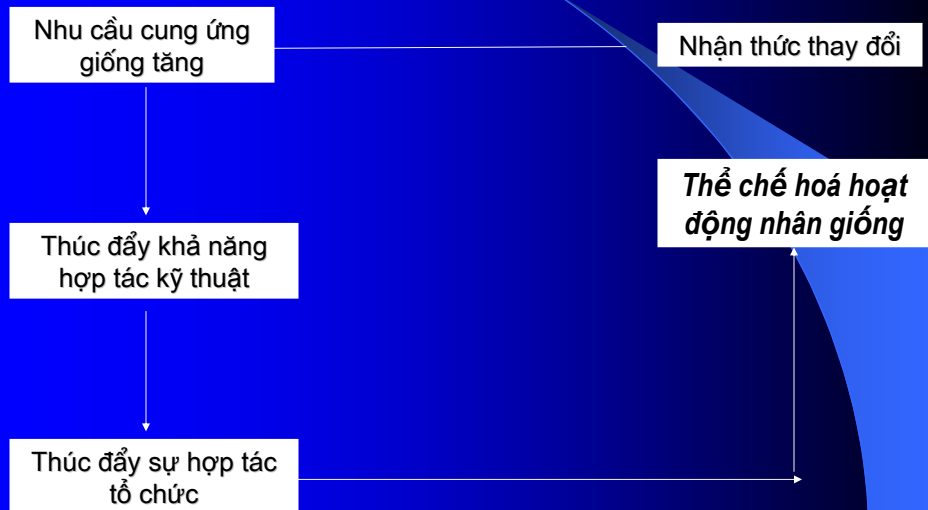
Những yếu tố tác động tích cực thúc đẩy sự hợp tác nông dân trong hoạt động sản xuất giống lúa

- **Điều kiện về kỹ thuật:**
 - Pháp lệnh giống cây trồng điều 36 cho phép các tổ chức nông dân liên kết sản xuất và tham gia cung ứng dịch vụ giống lúa tại địa phương
 - Với sự giám sát của các cơ quan có chuyên môn địa phương nông dân hoàn toàn có thể tham gia vào sản xuất và cung ứng dịch vụ giống lúa
 - Hiện nay ruộng sản xuất giống lúa trong các hộ nông dân được tổ chức quy hoạch thành vùng, thửa
 - Với đặc thù của vùng ĐBSH sự xác định chủng loại giống gieo cấy theo nhu cầu nông dân dễ dàng do tính đặc thù địa phương

- **Điều kiện về xã hội:**
 - Sự quan tâm đồng bộ của chính quyền các cấp về phát triển nông nghiệp địa phương
 - Sự hiểu biết của nông dân ngày một phát triển
⇒ Nhu cầu giống cung ứng cho nông dân tăng
- **Điều kiện về kinh tế:**
 - Hoạt động sản xuất giống đem lại lợi nhuận cao cho người tham gia sản xuất trên chính mảnh ruộng gia đình mình
 - Địa phương tham gia sử dụng giống tăng năng xuất đại trà giảm giá thành sản xuất.
- **Điều kiện về pháp luật**
 - Nghị định 88/CP, luật HTX ra đời tạo điều kiện thuận lợi cho phép thành lập các tổ chức hiệp hội, hội nghề nghiệp

Phần 3
Các hoạt động tập thể trong sản xuất và
cung ứng dịch vụ giống lúa của: *Hội nông
dân sản xuất giống huyện Nam Sách*

Logic tác động thúc đẩy hoạt động tập thể thông
qua hoạt động của *Hội nông dân sản xuất giống
lúa huyện Nam Sách*



Hoạt động Hội nông dân sản xuất giống

- Định nghĩa: Hội nông dân sản xuất giống lúa huyện Nam Sách là một tổ chức nghề nghiệp được tổ chức theo nghị định 88/CP. Hoạt động Hội dựa trên điều lệ, phương án rõ ràng và tuân thủ theo đúng pháp lệnh giống cây trồng quy định
- Nhiệm vụ Hội
 - Bảo vệ quyền lợi thành viên tham gia sản xuất.
 - Tổ chức tiêu thụ sản phẩm chung.
 - Đại diện nông dân trao đổi với địa phương và tổ chức khác.
 - Cung cấp chung các dịch vụ đầu vào phục vụ sản xuất.
 - Xây dựng hệ thống kiểm tra giám sát kỹ thuật ngoài nhóm

- Nguyên tắc tổ chức
 - Tổ chức tự nguyện của nông dân
- Công cụ thực hiện:
 - Về pháp luật: Tuân thủ theo ND88/CP, pháp lệnh giống
 - Về hoạt động Hội: Tuân thủ theo phương án hoạt động và điều lệ Hội
 - Điều lệ Hội: Là quy định tất cả các hoạt động hành chính như
 - Bộ máy hoạt động Hội, trách nhiệm của từng thành viên
 - Tài chính quy định Hội
 - Tài sản và trang thiết bị Hội phục vụ SX
 - Phương án hoạt động Hội: Là các kế hoạch của Hội phải thực hiện dựa trên:
 - Các nhiệm vụ của Hội
 - Các cam kết (cam kết đóng góp tài chính, cam kết thực hiện QTK)

• Hệ thống quản lý trong Hội:

• Hệ thống quản lý tổ chức

- Hội được quản lý theo 3 cấp : Hội → Nhóm sản xuất → nông dân,
- Công cụ quản lý tổ chức gồm: các cam kết của ND (Tài chính đóng góp, Quy trình kỹ thuật, Quy định về hội họp...

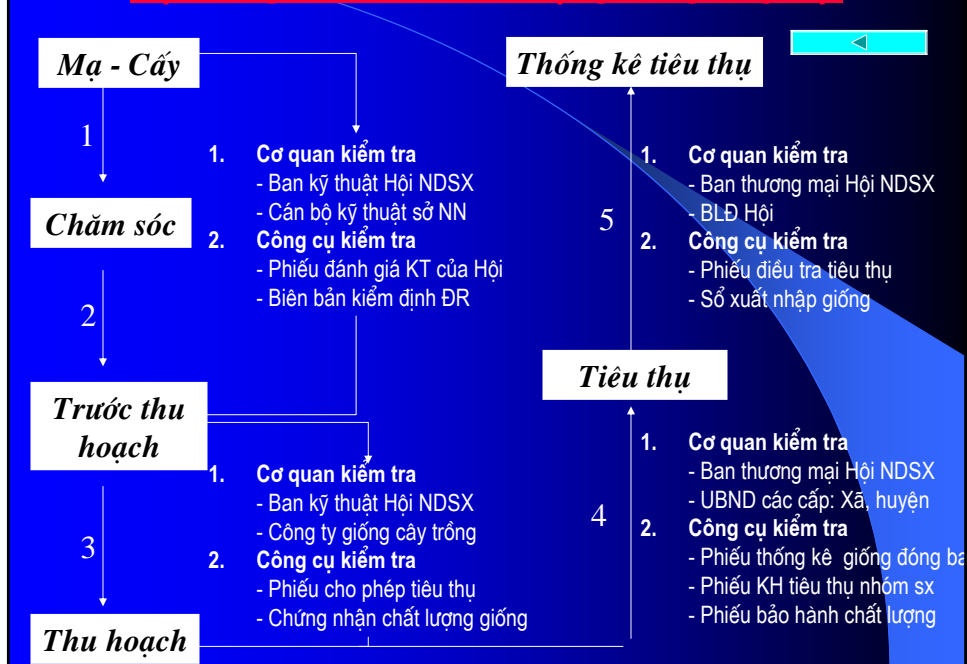
• Hệ thống quản lý tài chính

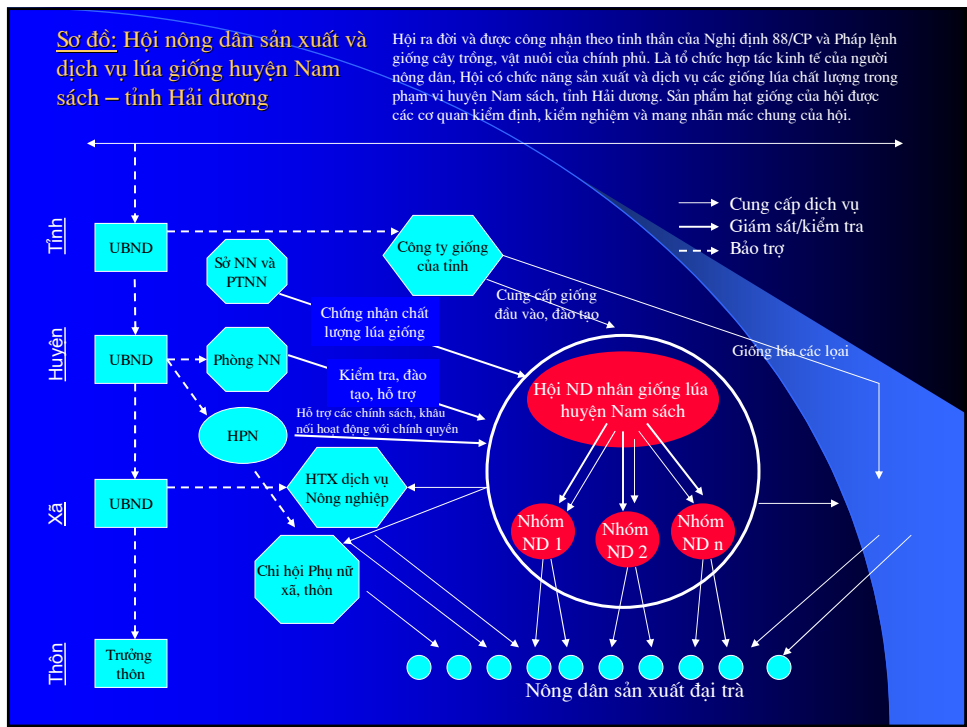
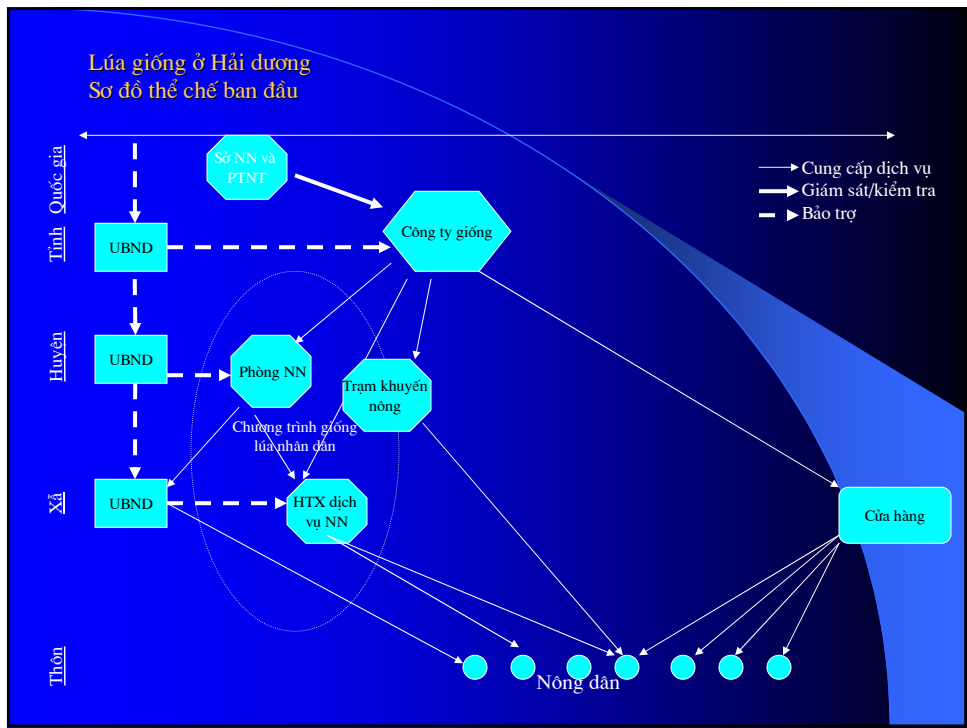
- Sổ quỹ tiền mặt (Thu, chi)
- Sổ kế hoạch xuất, nhập giống
- Sổ theo dõi nợ

• Hệ thống quản lý QTKT chung

- Phiếu theo dõi quy trình KT thực hiện chung nông hộ
- Biên bản kiểm định ĐR
- Các chứng nhận chất lượng giống của các cơ quan(Sở NN, CT giống)
- Hệ thống kiểm tra chất lượng Hội

Hệ thống kiểm tra chất lượng lúa giống Hội





KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỘI NÔNG DÂN SẢN XUẤT GIỐNG HUYỆN NAM SÁCH

- Tổng số thành viên tham gia : 324 hộ
- Tổng diện tích SX giống: 21 ha
- Tổng sản lượng thu được : 200 tấn/ năm
- Tỷ lệ giống đạt tiêu chuẩn đổi bán: 90 %
- Tỷ lệ đổi(bán):1 – 1.5 (3500 – 3700 đ/kg)
- Tỷ lệ giống cung cấp cho địa phương : 90 %

Kết quả tác động dịch vụ Hội với các nhóm sản xuất

Dịch vụ cung cấp	ĐV tính	Số lượng
1. Cung cấp giống đầu vào	tấn	1.2
2. Hỗ trợ đào tạo kỹ thuật	buổi	26
3. Hội tự kiểm tra chất lượng ĐR	lần	6
4. Thuê chuyên gia KT chất lượng	lần	6
5. Hỗ trợ giống đầu ra	tấn	40

Kết quả tài chính thu được từ hoạt động Hội

- ☞ Tổng thu hoạt động: **56.344.000** hội/năm ▶
- ☞ Tổng chi hoạt động : **43.980.000** hội/năm ▶
- ☞ Lãi từ hoạt động: **12.364.000** hội/năm

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CUNG ỨNG GIỐNG CỦA HỘI VỚI ĐỊA PHƯƠNG

- Tổng diện tích giống mới Hội cung ứng cho địa phương(sào/vụ): **68.000**
 - ✓ Năng suất tăng : 12 kg/sào
~ 30.000 đ/sào
 - ✓ Sản lượng địa phương tăng: 816.000kg
~ 2.040.000.000
 - ✓ Chênh lệch giá giữa sử dụng giống của Hội với giá thị trường 1000 đ/ sào: ~ 148.750.000
 - ✓ Lãi địa phương = Chênh lệch (tăng năng suất + sản lượng tăng + Giá thành hạ) → **Tổng số: 2.188.750.000**

Thuận lợi trong việc thành lập Hội

- ✓ Các văn bản pháp luật cho phép mở rộng hoạt động Hội
- ✓ Nghị định 88 cp cho phép xây dựng hội nghề nghiệp
- ✓ Sự quan tâm của chính quyền các cấp đến việc thành lập các tổ chức tại địa phương

Hạn chế hoạt động Hội

- Hoạt động SX lúa đang giảm > đòi hỏi phải tổ chức như thế nào cho người làm giống có lợi nhuận
- Việc hiểu và triển khai các nghị định 88 còn là một vấn đề hạn chế với các cấp, các ngành
- Nghị định giống chưa rõ ràng: việc khuyến khích nông dân làm giống >< yêu cầu về cơ sở vật chất

Kết luận

- Việc thành lập Hội nông dân sản xuất giống lúa cho phép khắc phục những yếu kém của ngành hàng giống > đem lại lợi ích KT của địa phương và những nông dân nghèo
- Tác động của hoạt động tập thể: Tạo ra một dịch vụ giống lúa với 90% diện tích được thay thế giống phẩm cấp cao
- Phải có quá trình nhận thức của nghị định 88. Pháp luật phải qui định rõ hơn:
 - Pháp luật giống cho phép nông dân tham gia hoạt động có sự hỗ trợ của nhà nước
 - Điều kiện nông dân: có nhu cầu tham gia

Tổng kết Hội thảo

TS. Dao The Anh
VASS

Một số kết luận về hành động tập thể

- Hành động tập thể (hợp tác) cho phép hộ nông dân vượt qua các cản trở để tham gia thị trường
- Hành động tập thể có nhiều cấp và đều được dựa trên cơ sở các nhóm nhỏ hình thành tự nguyện
- Để thúc đẩy được các tổ chức tập thể cần hiểu rõ yếu tố liên kết, lợi ích hợp tác của từng loại hình. **Đây cũng chính là yếu tố thất bại của nhiều loại hình hợp tác trước đây.**
- Các hình thức hợp tác tập thể rất đa dạng, mềm dẻo vì thế không thể áp đặt mô hình cứng nhắc mà cần thiết tạo môi trường thuận lợi.
- Cần các chương trình nghiên cứu xứng đáng và xây dựng mạng lưới trao đổi kinh nghiệm rộng rãi về chủ đề này để xây dựng chính sách phù hợp.

Các câu hỏi chính cần đề cập khi phân tích các hình thức hành động tập thể hay hợp tác

- Đây là nhu cầu cấp thiết của hành động tập thể của nông dân? sản phẩm nào? nằm khâu nào trong quy trình sản xuất ?

- Yếu tố nào quyết định sự hợp tác bền vững giữa nông dân và với các tác nhân khác? Đặc biệt chú ý vai trò của tư cách pháp nhân và uy tín xã hội lãnh tụ hay vốn xã hội.

- Vai trò của các yếu tố bên ngoài như điều kiện KT-XH, chính sách, luật pháp... đối với sự tồn tại và phát triển, cũng như khả năng nhân rộng của các hình thức hợp tác.

- Từ một nhu cầu về hành động tập thể, làm thế nào để một tổ chức hợp tác của nông dân có thể ra đời và phát triển.

- Các hình thức tác động trợ giúp từ bên ngoài nào (kỹ thuật, tài chính, đào tạo, tư vấn...) sẽ phù hợp nhất đối với từng loại hình thức tổ chức hợp tác của nông dân.

Các vấn đề lý luận có liên quan


- Hành động tập thể của nông dân và sự đa dạng của tổ chức nông dân
- HTX chuyên ngành và các bước phát triển của HTX
- Lí luận về yếu tố liên kết và qui trình kĩ thuật tập thể
- Lí luận về chuyên môn hoá và chuyên nghiệp hoá nông dân

Các phương pháp chính có thể áp dụng

- Phương pháp chẩn đoán ngành hàng để xác định nhu cầu hợp tác
- Phương pháp xây dựng nhóm nông dân và hợp tác xã chuyên ngành
- Phương pháp xây dựng qui trình kĩ thuật tập thể
- Phương pháp xây dựng các dịch vụ đầu vào và đầu ra tập thể
- Phương pháp xây dựng mối quan hệ với ngân hàng và chính quyền
- Phương pháp đánh giá nhanh thị trường và xây dựng chiến lược marketing
- Phương pháp xây dựng quản lí tài chính trong tổ chức nông dân

Chương trình của nhóm nghiên cứu

- Khảo sát thực địa đa dạng các hình thức hành động tập thể ở các vùng sinh thái
- Tổng kết lý luận và chính sách
- Viết báo cáo tổng hợp
- Đề xuất với nhà nước và nhà tài trợ chương trình nghiên cứu dài hơi về vấn đề hành động tập thể và hợp tác của nông dân với sự tham gia của nhiều đối tác do VAAS-ISPARD-CIEM điều phối.



Mạnh và yếu của hành động tập thể của nông dân: một số cơ sở khái niệm

**Đào Thế Tuấn (PHANO),
Paule Moustier (CIRAD-Malica),
Đào Thế Anh (VAAS)**



Vấn đề

- Hành động tập thể là gì ?
- Tại sao hành động tập thể lại quan trọng ?
- Tại sao hành động tập thể của nông dân lại khó thực hiện và có kết quả khác nhau ?
- Làm thế nào để hành động tập thể của nông dân có kết quả ?




Hành động tập thể là gì ?

- Hành động tập thể = phối hợp của tác nhân chia sẻ một mục đích hay nhiều mục đích chung. Là các tổ chức kinh tế có hành động tập thể (Ménard, 1990).
- Thể chế là cơ cấu có quy tắc và ràng buộc quy định các hành động cần thiết, cấm và cho phép (Nabli & Nugent, 1989, North, 1990).
- Tính tự nguyện của hành động tập thể: hợp tác xã kiểu mới thay cho hợp tác xã kiểu cũ áp đặt từ trên xuống.
- Nhiều thể chế là tổ chức, nhiều tổ chức không là thể chế (de Janvry and al, 1993).



Tại sao hành động tập thể lại cần thiết ? (Olson, 1965)

- Mục tiêu của hành động tập thể = quyền lợi chung của thành viên = cung cấp hàng hoá công (và các tiêu dùng tập thể khác) qua sự cộng tác của hai thành viên hay nhiều hơn
- Hàng hoá công hay tập thể: hàng hoá mà không thể loại trừ việc tiêu dùng thành viên hay phải trả giá cao, ngay lúc họ không trả chi phí cho việc sử dụng
- Thí dụ về hàng hoá công: đường xá, giáo dục, sức khoẻ
- Thí dụ về hàng hoá tập thể: thủy lợi, bảo hiểm, uy tín về chất lượng
- Chức năng vận động hành lang để được hàng hoá công từ nhà nước



Tại sao hành động tập thể lại cần thiết ? Chức năng của tổ chức nông dân (Moustier, 1998; Bosc and al., 2002)

KINH TẾ

- Tiếp cận nguồn lợi:
 - Đầu vào, tín dụng, huấn luyện, vận tải, thông tin, thuỷ lợi...
- Tiếp cận thị trường:
 - Tăng khả năng mặc cả với thương nhân
 - Tiếp cận với nguồn lợi thị trường
 - Kiểm soát chất lượng, chứng nhận và thương hiệu
- Tiếp cận bảo hiểm

CHÍNH TRỊ (vận động hành lang)

XÃ HỘI (giáo dục, giải trí...)

PHỐI HỢP CHỨC NĂNG: tổ chức nông dân và các tổ chức
phối hợp



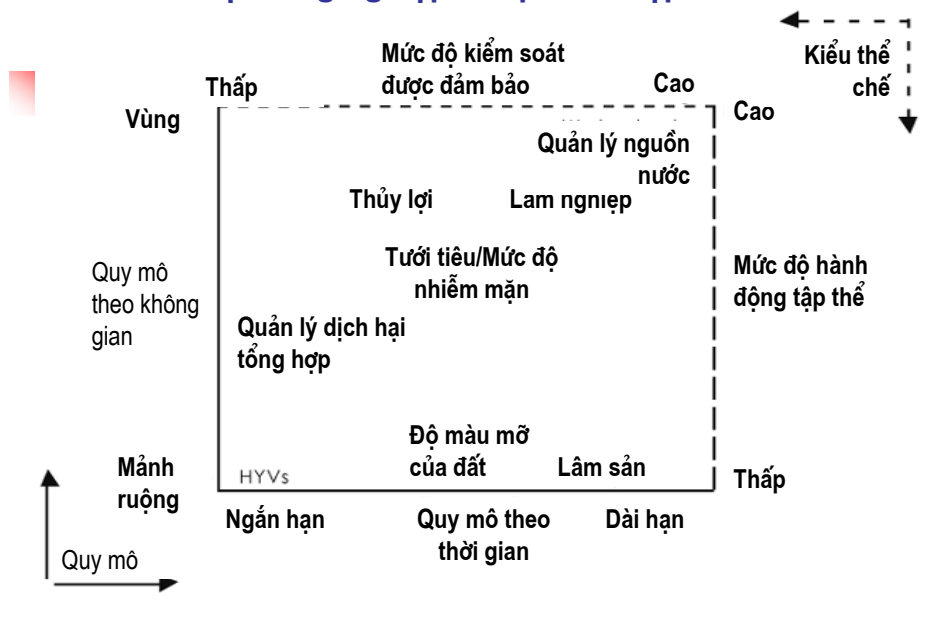
Tại sao hành động tập thể lại cần thiết ?

- Nhiều tổ chức dân sự thay thế nhà nước và thị trường (de Janvry and al, 1993; Hoff, Braverman and Stiglitz, 1993):
 - Lúc nhà nước thất bại trong việc cung cấp dịch vụ công như tín dụng
 - Lúc thị trường thất bại trong việc cung cấp dịch vụ tư như bảo hiểm cống rủi ro, vì chi phí giao dịch cao.

Tại sao hành động tập thể lại cần thiết ?

- Hành động tập thể và quyền sở hữu để phát triển bền vững
(R. Meinzen-Dick, M. Di Gregorio, CAPRI, IFPRI 2004)
- Lúc mà công nghệ đòi hỏi phải có thời gian dài giữa lúc tiếp nhận và kết quả và lúc công nghệ hoạt động trên một không gian quy mô lớn nông dân cần có quyền sử dụng ruộng đất an toàn và hành động tập thể. Phần nhiều các biện pháp quản lý tài nguyên tự nhiên cần thời gian dài và quy mô không gian rộng.
- Việc cùng quản lý giữa cộng đồng và nhà nước sẽ có kết quả hơn nếu nhà nước chỉ làm một mình.

Sở hữu, hành động tập thể và việc quản lý bền vững nguồn lợi nông nghiệp và tự nhiên tập thể





Tại sao hành động tập thể lại cần cho người nghèo ?

O'Sullivan, 2000 .

Tiếp cận: Người nghèo sản xuất hàng hoá và dịch vụ chất lượng thấp. Họ không có quyền, cơ hội, phương tiện để tiếp cận và sử dụng.

Khả năng đủ sức: Người nghèo phải đủ sức, có thời gian hay tiền để sử dụng hàng hoá và dịch vụ công. Hành động tập thể sẽ giúp họ vượt qua được các khó khăn về quy mô và hạ tầng cơ sở chất lượng thấp. Làm việc chung sẽ giúp họ tăng năng suất và giảm chi phí.

Khả năng sẵn có: Hàng hoá và dịch vụ công phải có để người nghèo sử dụng và có được. Hành động tập thể sẽ giúp họ tăng quy mô, tăng sự chắc chắn của nhu cầu nên giúp họ tham gia được vào ngành hàng.



Tại sao hành động tập thể lại cần thiết ?

- Tạo kinh tế quy mô bằng cách tập trung nguồn lợi
- Tạo nên hàng hoá tập thể hay công
- Giảm chi phí trao đổi, sự không hoàn hảo của thị trường, rủi ro trong sản xuất và lưu thông vì thiếu cơ chế bảo hiểm
- Tạo nên khả năng mặc cả của nông dân



Tại sao hành động tập thể lại khó ? (Olson, 1965)

- Vấn đề của hành động tập thể là làm thế nào để các thành viên trả chi phí cho việc cung cấp hàng hoá chung?
- Ở các nhóm lớn thành viên hưởng ít lợi từ hành động tập thể, nếu họ không trả cũng ít được biết. Vì vậy họ ít quan tâm đến việc đóng góp vào công việc của nhóm.



Tại sao hành động tập thể của nông dân lại khó ?

Các thí dụ khác nhau về tính cơ hội trong các tổ chức nông dân:

- Không muốn trả hội phí
- Bán sản phẩm kém chất lượng cho tổ chức nông dân và bán sản phẩm chất lượng cao cho tư thương
- Được lợi về giá cao do uy tín của tổ chức nhưng lại không tuân thủ các quy định về chất lượng
- Kêu là do thời tiết nên sản lượng thấp
- Cán bộ lãnh đạo lợi dụng tài sản chung (tham ô)



Tại sao hành động tập thể của nông dân lại khó ?

Vấn đề khác của tổ chức nông dân:

- Thiếu sự mềm dẻo như lúc giá cả thay đổi
- Để phục vụ các mục tiêu thương nghiệp, có nguồn hàng ổn định, do đó phải mua ngày càng nhiều của người khác



Làm thế nào để hành động tập thể thành công ? (Olson, 1965)

- 1- Nhóm nhỏ hiệu quả hơn nhóm lớn: Thành viên có thể theo dõi được sự đóng góp của họ và thu lợi được
- 2- Sự ép buộc
- 3- Động cơ chọn lọc: ai đóng góp nhiều cho nỗ lực của nhóm thì sẽ được thưởng



Làm thế nào để hành động tập thể thành công? **Ostrom, Calvert (1990)**

Các nguyên tắc của nhóm:

1. Giới hạn của nhóm phải được xác định.
2. Quy ước sử dụng hàng hoá chung phải phù hợp với nhu cầu và điều kiện địa phương.
3. Các cá nhân chịu sự điều khiển của các quy ước ấy phải có quyền tham gia thay đổi các quy ước
4. Quyền các thành viên của cộng đồng xây dựng quy ước phải được chính quyền công nhận.
5. Phải có một hệ thống theo dõi cách ứng xử của các thành viên và các thành viên cộng đồng tham gia sự theo dõi ấy.
6. Phải có một hệ thống trừng phạt có nhiều cấp khác nhau.
7. Thành viên cộng đồng có thể tiếp cận với cơ chế giải quyết mâu thuẫn rẻ tiền.



Làm thế nào để hành động tập thể thành công ?

Tuyên bố về Bản sắc của hợp tác xã
(Liên hiệp hợp tác xã quốc tế, 1995)

Định nghĩa

Hợp tác xã là một hội tự trị của các người hợp nhất một cách tự nguyện để thực hiện nhu cầu kinh tế, xã hội và văn hoá và ý nguyện thông qua một doanh nghiệp sở hữu chung và kiểm soát dân chủ.

Giá trị

Hợp tác xã dựa trên giá trị tự giúp đỡ, tự chịu trách nhiệm, dân chủ, bằng nhau, công bằng và tương trợ. Theo truyền thống của người sáng lập, xã viên hợp tác xã tin tưởng vào giá trị đạo đức của sự trung thực, cởi mở, trách nhiệm xã hội và sự chú ý đến người khác.

Làm thế nào để hành động tập thể thành công ?

Tuyên bố về Bản sắc của hợp tác xã
(Liên hiệp hợp tác xã quốc tế, 1995)

Nguyên tắc

1. Tự nguyện và mở cho tham gia
2. Kiểm soát dân chủ của thành viên
3. Sự tham gia kinh tế của xã viên
Xã viên tham gia công bằng và kiểm soát dân chủ vào vốn của HTX. Họ chỉ được hưởng một phần nhỏ vào lãi của vốn chung của HTX. Phần thặng dư sẽ được dùng để phát triển HTX và được chia tỷ lệ với giao dịch mà họ trao đổi với HTX.
4. Tự trị và phụ thuộc lẫn nhau
5. Giáo dục, huấn luyện và thông tin
6. Hợp tác giữa các HTX
7. Quan hệ với cộng đồng.

Làm thế nào để hành động tập thể thành công ?

?

Nhóm tiểu nông: tập hợp người nghèo với nhau (FAO, 1999)

- Về phát triển tổ chức nhóm tiểu nông là một bước nhảy vượt bậc vì số nông dân tham gia các nhóm này rất nhiều và kỹ năng quản lý rất phức tạp.
- Các nhóm phi hình thức này là những lớp học nơi mà tiểu nông học kỹ năng ra các quyết định tập thể và giải quyết vấn đề để tham gia vào các nhóm hình thức, như HTX hay các tổ chức nông dân khác.
- Việc sử dụng các nhóm nhỏ phi hình thức để cung cấp dịch vụ phát triển cho tiểu nông chứng minh là một thể chế có hiệu quả để giảm chi phí cung cấp dịch vụ, giảm chi phí của tiểu nông so với thị trường và thúc đẩy tiểu nông tham gia tự phát triển.
- Nhóm nông dân nhỏ là một cơ chế tổ chức có ích để huy động tiểu nông vào các hành động tự giúp tập thể với mục đích cải tiến tình hình kinh tế và xã hội của cộng đồng.

Làm thế nào để hành động tập thể thành công

?

- Việt nam và châu Á đã có một truyền thống vốn xã hội rất phong phú, dựa trên chữ tín
- Phải khai thác các truyền thống hành động tập thể như trở đổi công, chơi họ, phường hội ... để phát triển các hình thức hành động tập thể mới như tổ sản xuất, tín dụng nhân dân, cụm công nghiệp và nông nghiệp...
- Phải đa dạng hoá các hình thức hành động tập thể để thích ứng với việc phát triển các thể chế phong phú cho xã hội
- Dự án DIALOGS do GRET và Bộ môn Hệ thống nông nghiệp thực hiện là một thí dụ của hoạt động này

Làm thế nào để hành động tập thể thành công

?

Lưới để nêu đặc trưng và đánh giá hành động tập thể của nông dân

Tư cách	Hội, HTX cũ, HTX mới, mạng lưới, cụm nghề nghiệp
Thành viên	Số lượng, quy mô, hoạt động của thành viên
Chức năng	Kinh tế, xã hội, chính trị
Trị lý	Chọn lọc thành viên, chọn lọc động cơ, trừng phạt Ra quyết định từ trên xuống hay có tham gia Chữ tín

Các tổ chức thành công điển hình:

Phối hợp chức năng; Cơ cấu trị lý dài hạn



Kết luận

- Hành động tập thể của nông dân cần để đạt mục tiêu chung mà cả nhà nước lẫn thị trường không đạt được
- Tất nhiên là khó khăn vì do ứng xử cơ hội của thành viên tổ chức nông dân, muốn có lợi nhưng không muốn trả chi phí
- Đánh giá có hệ thống các trường hợp thành công bằng lưới phân tích đề nghị trong bản trình bày này

BÁO CÁO THAM LUẬN THỰC TRẠNG VỀ TỔ HỢP TÁC TRONG NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN VÀ NHỮNG BÌNH LUẬN

Chu Thị Hảo

*Phó Cục trưởng Cục Hợp tác xã và PTNT
MARD*

Workshop: collective action and the participation of small farming households in the market - an opportunity to escape poverty for small farming household.

I. THỰC TRẠNG TỔ HỢP TÁC QUA KẾT QUẢ KHẢO SÁT Ở 9 TỈNH

1. Tình hình chung

- Tổ hợp tác kinh tế trong nông thôn là loại hình kinh tế tự nguyện và tự phát của những người nông dân có cùng sở thích cùng điều kiện, góp vốn, góp sức để làm ăn nhằm giúp nhau xoá đói giảm nghèo, thậm chí có những bộ phận vươn lên làm giàu.
- Việc hoạt động của các Tổ hợp tác này đã huy động thêm được vốn trong hộ nông dân, hỗ trợ thiết thực cho kinh tế hộ, tăng thêm việc làm, nâng cao thu nhập, phát triển cộng đồng, góp phần xoá đói giảm nghèo...

Biểu 1b: Cơ cấu số tổ hợp tác điều tra phân theo tỉnh năm 2003

Các tỉnh điều tra	Số tổ điều tra	Chia ra	
		Tổ có vốn, tài sản chung (%)	Tổ không có vốn, tài sản chung (%)
1. Hà Giang	95	37.89	62.11
2. Yên Bái	94	40.43	59.57
3. Hải Phòng	95	54.74	45.26
4. Quảng Trị	100	42.00	58.00
5. Ninh Thuận	112	41.07	58.93
6. Đắk Nông	101	4.95	95.05
7. Long An	119	35.29	64.71
8. Đồng Tháp	81	16.05	83.95
9. Cần Thơ	120	14.17	85.83
Cộng chung:	917	31.73	68.27

a. Địa bàn khảo sát:

b. Kết quả phân loại: Khảo sát chung 917 tổ cho thấy:

- Đa số các tổ hợp tác chỉ thực hiện 1 hoạt động có 637 tổ (69,46%)

- Tổ có 2 hoạt động có 241 tổ (23,3%)

- Các tổ có từ 3 hoạt động trở lên có tỷ lệ thấp nhất: 66 tổ (7,19%)

- Cụ thể đối với 626 tổ **không có vốn, tài sản chung** có 464 tổ có 1 hđ (74,12%), 121 tổ có 2 hđ (19,32%) và 41 tổ có 3 hđ trở lên (8,83%)

- Đối với 291 tổ **có góp vốn, tài sản chung**: các THT chỉ tham gia 1 hđ có 173 tổ (59,45%), tổ có 2 hđ có 93 tổ (31,95%), các tổ có từ 3 hđ trở lên có 25 tổ (8,59%)

Biểu 1c : Số tổ điều tra phân theo nội dung hoạt động chính và số hoạt động của tổ năm 2003

Phân loại theo các hoạt động	Số tổ Điều tra	Chia ra		
		Số tổ thực hiện 1 hoạt động	Số tổ thực hiện 2 hoạt động	Số tổ thực hiện 3 hoạt động trở lên
I. Tổ không có vốn góp chung				
1. Tổ trồng trọt, làm vườn	22	6	6	10
2. Tổ chăn nuôi	6	6		
3. Tổ nuôi trồng thủy sản	3	3		
4. Tổ ngành nghề thủ công	27	26		1
5. Tổ trồng và bảo vệ rừng	48	32	3	13
6. Tổ dịch vụ sản xuất kinh doanh	48	36	9	3
7. Tổ tiêu thụ	67	52	14	1
8. Tổ dịch vụ máy	50	45	4	1
9. Tổ thủy nông	227	182	42	3
10. Câu lạc bộ khuyến nông	52	27	23	2
11. Tổ đổi công, tương trợ lẫn nhau	23	10	7	6
12. Tổ liên kết vay vốn	47	35	11	1
13. Dịch vụ đời sống	6	4	2	
Cộng	626	464	121	41

Biểu 1c : Số tổ điều tra phân theo nội dung hoạt động chính và số hoạt động của tổ năm 2003 (tiếp)

Phân loại theo các hoạt động	Số tổ Điều tra	Chia ra		
		Số tổ thực hiện 1 hoạt động	Số tổ thực hiện 2 hoạt động	Số tổ thực hiện 3 hoạt động trở lên
II. Tổ có góp vốn chung				
1. Tổ trồng trọt, làm vườn	18	12	5	1
2. Tổ chăn nuôi	26	17	6	3
3. Tổ nuôi trồng thủy sản	24	23	1	
4. Tổ ngành nghề thủ công	37	21	13	3
5. Tổ trồng và bảo vệ rừng	6	5	1	
6. Tổ dịch vụ sản xuất kinh doanh	16	12	4	
7. Tổ tiêu thụ	31	25	5	1
8. Tổ dịch vụ máy	59	36	21	2
9. Tổ thủy nông	21	7	12	2
10. Câu lạc bộ khuyến nông	5		3	2
11. Tổ đổi công, tương trợ lẫn nhau				
12. Tổ liên kết vay vốn	28	3	14	11
13. Dịch vụ đời sống	3	2	1	
14. Tổ kinh doanh tổng hợp	5		5	
15. Hùn vốn	12	10	2	
Cộng:	291	173	93	25
Cộng chung:	917	637	214	66

2. Các tổ hợp tác hiện có trong nông thôn hình thành từ khi nào

- 797 tổ (86,91 %) được thành lập từ năm 1996 đến nay và 120 tổ (13,9 %) thành lập từ năm 1996 về trước.
- Đối với các tổ có vốn góp và có tài sản chung, có 250 tổ /291 tổ (85,91%) được thành lập từ năm 1997 đến nay, trong đó chủ yếu được thành lập từ năm 2000 trở lại đây là 210 tổ (72,16%).
- Các tổ không có vốn, có tài sản chung có 547 tổ/626 tổ (87,38%) được thành lập từ năm 1997 trở lại đây. Trong đó chủ yếu là từ năm 2000 trở lại là 457 tổ (73%)
- Tính chung trong 4 năm từ 2000 đến 2003 đã có 667 tổ hợp tác ra đời (chiếm 72,73% so với tổng số điều tra).

3. Thành viên của tổ hợp tác

Biểu 3: Thành viên của THT năm 2003

	số thành viên bình quân 1 tổ	Số tổ có dưới 6 thành viên	Số tổ có từ 7 đến 30 thành viên	Số tổ có từ 31 thành viên trở lên
(A)	(1)	(2)	(3)	(4)
1. Hà Giang	9	56.84	38.95	4.21
2. Yên Bái	15	59.57	28.72	11.70
3. Hải Phòng	5	90.53	3.37	2.11
4. Quảng Trị	22	64.00	22.00	14.00
5. Ninh Thuận	20	30.36	46.43	23.21
6. Đắk Nông	19	17.82	68.32	13.86
7. Long An	28	23.53	51.26	25.21
8. Đồng Tháp	133	33.33	17.28	49.38
9. Cần Thơ	21	0.83	44.17	55.00
Cộng chung	32	40.13	37.30	22.57

Số tổ có thành viên cao nhất là tỉnh Đồng Tháp: 820 người
 Tổ có góp vốn, tài sản chung: bình quân 39 người/tổ
 Tổ không góp vốn, tài sản chung: 16 người/tổ

4 – 5. Tài sản, nguồn vốn của THT

- Tổng giá trị tài sản bình quân một tổ quản lý 120 triệu, trong đó tài sản nhà nước hỗ trợ là 3%, của tổ là 97%; TSCĐ: 58%; TSLĐ: 42%.
- Nguồn vốn: Vốn góp bình quân 1 tổ là 87 triệu (74%); Vốn vay bình quân 1 tổ là 29 triệu (26%).
- + Trong đó vay ngân hàng bình quân 18 triệu chiếm 63%. Vay khác: 11 triệu chiếm 37%

6. Sử dụng lao động của THT

Biểu 6a: Sử dụng lao động bình quân của 1 THT
Đơn vị: ngày công

A	Sử dụng lao động của tổ không có tài sản chung	Sử dụng lao động của tổ có tài sản chung		
		Tổng số	Trong đó	
			Lao động là tổ viên	Lao động thuê ngoài
	1	2	3	4
1. Hà Giang	298	843	403	439
2. Yên Bái	309	1085	919	165
3. Hải Phòng	470	840	659	181
4. Quảng Trị	604	788	497	291
5. Ninh Thuận	611	1416	385	1031
6. Đắk Nông	35	316	262	54
7. Long An	453	176	134	42
8. Đồng Tháp	118	507	465	42
9. Cần Thơ	30	28	22	6
Bình quân	287	789	466	322

Biểu 6b: Cơ cấu sử dụng lao động của THT có vốn góp, tài sản chung

	Tổng số lao động sử dụng	Trong đó	
		Lao động là tổ viên	Lao động thuê ngoài
A	1	2	3
1. Hà Giang	843	47.89	52.11
2. Yên Bái	1085	84.76	15.24
3. Hải Phòng	840	78.44	21.56
4. Quảng Trị	788	63.07	36.93
5. Ninh Thuận	1416	27.21	72.79
6.Đắc Nông	316	82.91	17.09
7. Long An	176	76.08	23.92
8. Đồng Tháp	507	91.81	8.19
9. Cần Thơ	28	77.59	22.41
Cộng chung	789	59.11	40.89

Đối với loại tổ không có góp vốn, tài sản chung: tổ có huy động ngày công lao động lớn: Tổ chăn nuôi binh quân 2013 ngày công, Tổ nuôi trồng thủy sản 767, tổ ngành nghề thủ công 695, Tổ dịch vụ 725

Nhóm các tổ huy động ngày công thấp: Tổ liên kết vay vốn 54 ngày công, tổ dịch vụ máy 161, tổ thủy nông 162, câu lạc bộ khuyến nông 190,...

7. Đăng ký hoạt động của THT

Biểu 7: Tỷ lệ số tổ có góp vốn, tài sản chung có đăng ký với UBND xã

	Số tổ điều tra	Số tổ có đăng ký với UBND xã (%)	Số tổ không đăng ký với UBND xã (%)
(A)	(1)	(2)	(3)
1. Hà Giang	36	50.00	50.00
2. Yên Bái	38	60.53	39.47
3. Hải Phòng	38	55.77	44.23
4. Quảng Trị	42	50.00	50.00
5. Ninh Thuận	46	78.26	21.74
6. Đắc Nông	5	80.00	20.00
7. Long An	42	92.86	7.14
8. Đồng Tháp	13	92.31	7.69
9. Cần Thơ	17	88.24	11.76
Cộng chung	291	67.70	32.30

**Biểu 7c: Đăng ký hoạt động với UBND xã của THT
không góp vốn và tài sản chung**

	Số tổ điều tra	Số tổ có đăng ký với UBND xã	Số tổ không đăng ký với UBND xã
(A)	(1)	(2)	(3)
1. Hà Giang	59	50	9
2. Yên Bái	56	35	21
3. Hải Phòng	43	24	19
4. Quảng Trị	58	39	19
5. Ninh Thuận	66	36	30
6. Đắk Nông	96	81	15
7. Long An	77	57	20
8. Đồng Tháp	68	65	3
9. Cần Thơ	103	97	6
Cộng chung	626	484	142

8. Điều lệ tổ hợp tác

**Biểu 8b: Tỷ lệ số THT có điều lệ
(Loại có vốn góp và tài sản chung)**

	Số tổ điều tra	Số tổ có điều lệ	Hình thức của điều lệ		Xác nhận điều lệ của UBND xã	
			Bảng văn bản	Thoả thuận miệng	Đã có xác nhận	Chưa có xác nhận
(A)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1. Hà Giang	36	75.00	29.63	70.37	11.11	88.89
2. Yên Bái	38	81.58	6.45	93.55	3.23	96.77
3. Hải Phòng	52	84.62	31.82	68.18	13.64	86.36
4. Quảng Trị	42	78.57	30.30	69.70	3.03	96.97
5. Ninh Thuận	46	58.70	33.33	66.67	25.93	74.07
6. Đắk Nông	5	100.00	60.00	40.00	80.00	20.00
7. Long An	42	90.48	92.11	7.89	52.63	47.37
8. Đồng Tháp	13	92.31	91.67	8.33	100.00	
9. Cần Thơ	17	88.24	73.33	26.67	53.33	46.67
Cộng chung	291	79.73	44.40	55.60	26.72	73.28

- Trong 291 tổ hợp tác có vốn và TS: có 232 tổ có điều lệ hoạt động (79,73%). Phân loại theo hình thức của điều lệ, số tổ có điều lệ bằng văn bản là 103 tổ (44,4%), bằng thoả thuận miệng là 129 (55,6%). Số tổ được UBND xã xác nhận điều lệ là 62 tổ (26,72%), chưa xác nhận điều lệ là 170 tổ (73,28%).

- Các tỉnh có tỷ lệ số tổ có điều lệ cao là: Đắc Nông 100%, Đồng Tháp 92,31%, Long An 90,48%, Hải Phòng 84,62%,...

- Về hình thức của điều lệ, tỉnh có tỷ lệ số tổ có điều lệ bằng văn bản cao: Long An 92,11%, Đồng Tháp 91,67%, Cần Thơ 73,33%,... Các tỉnh có tỷ lệ số tổ có điều lệ bằng văn bản thấp: Yên Bái 6,45%, Hà Giang 29,63%, Quảng Trị 30,3%,...

- Về xác nhận điều lệ của UBND xã: Đồng Tháp 100% số tổ có xác nhận của UBND xã, tỉnh Đắc Nông 80%, Cần Thơ 53,53%, Long An 52,63%,... Các tỉnh có tỷ lệ xác nhận điều lệ còn thấp: Yên Bái 3,23%, Quảng Trị 3,03%, Hà Giang 11,11%,...

9. Dự án kinh doanh của tổ hợp tác

Đối với loại có góp vốn, tài sản chung: 74/291 tổ có dự án đầu tư - kinh doanh chiếm 25,4% trong đó:

65 tổ được UBND xã/huyện phê duyệt chiếm 87,8% số tổ có dự án.

10. Ban quản lý THT

Biểu 10a: Ban quản lý THT có vốn góp, tài sản chung

	Tổ trưởng	Tổ phó	Kế toán
(A)	(1)	(2)	(3)
<i>Tổ có chức danh quản lý tương tự</i>	100.00	100.00	100.00
I. Trình độ văn hoá cao nhất			
* Tiểu học (cấp I)	12.69	18.25	6.72
* Trung học (cấp II)	51.54	58.39	52.24
* Trung học phổ thông (cấp III)	35.77	23.36	41.04
II. Bằng cấp chuyên môn			
+ Bằng tốt nghiệp Đại học, Cao đẳng	2.69		0.75
+ Bằng tốt nghiệp Trung cấp	12.31	6.57	8.96
+ Không bằng cấp	85.00	93.43	90.30
III. Đã qua các lớp bồi dưỡng chuyên môn			
+ Quản lý	20.00	9.49	9.70
+ Kỹ thuật	26.15	16.79	5.97
+ Chưa học lớp nào	53.85	73.72	84.33

Đối với loại hình có góp vốn, tài sản chung có 260/291 tổ có các chức danh tổ trưởng 89%, chức danh tổ phó 137/291 tổ (47,07%) chức danh kế toán có 134/291 tổ (46,04%).

Đối với loại không góp vốn và tài sản chung:

- 598/628 tổ có tổ trưởng (95,5%); 253/626 (40,4%) tổ có tổ phó ; kế toán 123/626 tổ (19,6%)
- Trình độ văn hoá: Cấp I: tổ trưởng (25,7%); tổ phó (33,9%); kế toán (16,26%); Cấp II: tổ trưởng (52,01%); tổ phó (51,78%); kế toán (52,03%); Cấp III: tổ trưởng (22,3%); tổ phó (14,23%); kế toán (31,71%)
- Bằng cấp chuyên môn: Tổ trưởng: 5/598 trình độ Đại học, Cao đẳng; 29/598 trình độ trung cấp; 564/598 (94,31%) không có bằng cấp.

11. Các cuộc họp của THT

Biểu 11: Các THT có tổ chức cuộc họp

(A)	Số tổ có vốn góp, tài sản		Tổ không có vốn góp, tài sản chung	
	số lượng	%	số lượng	%
1. Số tổ điều tra	291	100	626	100
2. Số tổ có tổ chức các cuộc họp hàng tuần	22	7.56	35	5.59
3. Số tổ có tổ chức các cuộc họp hàng tháng	123	42.27	120	19.17
4. Số tổ có tổ chức các cuộc họp hàng quý	32	11	160	25.56
5. Số tổ có tổ chức các cuộc họp 6 tháng	17	5.84	41	6.55
6. Các tổ có tổ chức các cuộc họp 1 năm	6	2.06	56	8.95
7. Số tổ không tổ chức họp định kỳ	91	31.27	214	34.19

12. Công tác kế toán của THT

Kết quả khảo sát 291 tổ có vốn góp, tài sản chung về công tác kế toán cho thấy:

Chỉ có duy nhất 1 tổ có hạch toán ghi chép sổ kép, còn lại đều ghi đơn hoặc tự thiết kế sổ sách. Khối lượng công việc kế toán phát sinh không nhiều: Trung bình số phát sinh chi trong 1 tháng của các tổ là 4,6 lần, còn trung bình phát sinh thu 1 tháng là 5,9 lần.

13. Sử dụng đất của THT

(Loại có vốn góp, tài sản chung)

- Nguồn gốc đất sử dụng chung của các tổ hợp tác:: đất do tổ viên đóng góp sử dụng 69,03% (tổng quỹ đất sử dụng chung), đất do tổ thuê lại 23,51%, đất khác 7,46%.Việc góp đất và thuê đất sử dụng chung này tập trung vào các nhóm tổ: tổ trồng rừng, tổ nuôi trồng thủy sản, tổ trồng trọt, làm vườn,...
- Quy mô diện tích phân theo loại đất: Diện tích huy động nhiều nhất là đất trồng cây lâu năm đạt 4.158 ha, đất làm nghiệp 3.156 ha, đất nuôi trồng thủy sản 3126 ha,...
- Cơ cấu sử dụng, đất do tổ viên góp sử dụng chung nhiều nhất là đất làm nghiệp 96,73%, đất do tổ viên góp để trồng cây lâu năm là 78,08%,...
- Riêng đất thuê để sử dụng chung nhiều nhất là đất nuôi trồng thủy sản chiếm 59,72%.

14. Doanh thu và thu nhập của THT

Biểu 15b: Kết quả hoạt động của THT
(Loại có vốn góp, tài sản chung)

	Số tổ điều tra (tổ)	Doanh thu (1000d)	Chi phí trực tiếp (1000d)	Thu nhập còn lại (1000d)
A	1	2	3	4
1. Hà Giang	36	80,594	71,689	40,909
2. Yên Bái	38	55,014	22,538	30,600
3.Hải Phòng	52	232,693	178,157	55,035
4. Quảng Trị	42	237,844	176,779	61,282
5.Ninh Thuận	46	258,444	194,531	64,161
6. Đắk Nông	5	41,910	19,010	22,900
7. Long An	42	63,021	29,202	7,335
8. Đồng Tháp	13	23,539	13,192	2,162
9. Cần Thơ	17	27,333	16,868	5,325
Cộng chung	291	146,381	106,029	39,738

Tỉnh có doanh thu bình quân thấp nhất là Đồng Tháp (23 triệu), thu nhập (2 triệu)

Biểu 15c: Kết quả hoạt động của THT
(Loại không có vốn góp, không tài sản chung)

	Số tổ điều tra (tổ)	Doanh thu (1000đ)	Chi phí trực tiếp (1000đ)	Thu nhập còn lại (1000đ)
A	1	2	3	4
1. Hà Giang	59	31,488	13,574	6,490
2. Yên Bái	56	83,304	52,527	9,530
3. Hải Phòng	43	60,248	33,142	23,664
4. Quảng Trị	58	66,270	37,464	11,037
5. Ninh Thuận	66	78,996	29,398	31,178
6. Đắk Nông	96	97,165	2,928	4,100
7. Long An	77	44,321	40	934
8. Đồng Tháp	68	80,348	2,527	4,071
9. Cần Thơ	103	14,275	10,381	1,981
Cộng chung	626	60,456	17,262	8,911

Tỉnh có doanh thu, thu nhập bình quân 1 tổ thấp nhất là Long An: doanh thu (44 triệu); thu nhập (934 nghìn)

15. Phân phối thu nhập của THT

Biểu 16b. Cơ cấu phân phối thu nhập của THT năm 2003
(Loại có góp vốn, tài sản chung)

(A)	Số lượng (1)
1. Tổng thu nhập còn lại	40.418.000
2. Phân phối thu nhập	
A. Trả công lao động cho tổ viên (%)	27.51
B. Chi tích lũy chung của tổ (%)	18.89
C. Chia đều cho tổ viên (%)	34.14
D. Chia theo vốn góp (%)	14.90
E. Chi công ích của tổ (%)	1.32
F. Chi khác (%)	3.24

Việc phân phối thu nhập trong một tổ được ưu tiên chia đều cho các tổ viên, trả công lao động, chi tích lũy chung và sau đó là chia theo vốn góp

16. Hướng phát triển của THT

- 626 tổ không có vốn góp chung:

+ Vẫn giữ nguyên tổ hợp tác: 510/626 tổ chiếm 81,46%

+ Thành lập doanh nghiệp: 116/626 tổ chiếm 18,53%,

+ Thành lập HTX: không có nhu cầu

- 291 tổ có vốn góp chung:

+ Vẫn giữ nguyên tổ hợp tác: 230/291 tổ, 79,03%

+ Thành lập doanh nghiệp: 51/291 tổ, 17,52%,

+ Thành lập HTX: 10/291 tổ, 3,43%,

Xu hướng phát triển chung cả 2 loại tổ (917 tổ) là đa số vẫn muốn giữ nguyên mô hình tổ hợp tác hiện tại 740 tổ, 167 tổ muốn thành lập doanh nghiệp và 10 tổ muốn thành lập HTX.

II. MỘT SỐ BÌNH LUẬN

1. Phạm vi hoạt động của tổ hợp tác hay nói khác đi tổ hợp tác là gì, nên nhận dạng nó theo nội dung hoạt động hay với số thành viên tham gia. Nếu theo nội dung hoạt động thì những tổ không có yếu tố kinh tế mà chỉ mang tính xã hội có thuộc phạm vi ? Phân biệt tổ hợp tác với những doanh nghiệp tư nhân vì mục tiêu lợi nhuận nhưng lại đăng ký là tổ hợp tác.

Những tổ hợp tác theo luật dân sự phải được hình thành trên cơ sở hợp đồng hợp tác có chứng nhận của UBND xã, phường... vậy những tổ hợp tác không hoặc chưa đăng ký thì có thuộc đối tượng nghiên cứu, điều chỉnh?

2. Những vấn đề bên trong của tổ hợp tác:

- Năng lực của từng thành viên, tài chính, tài nguyên của tổ, cơ sở vật chất, năng lực của tổ chức, của cộng đồng.
- Khi hiểu rõ những vấn đề này sẽ xác định được các ưu tiên cho xây dựng năng lực đối với THT và hướng dẫn nội dung của hợp đồng hợp tác, các nguyên tắc hoạt động của THT

3. Vai trò của tổ hợp tác trong xoá đói, giảm nghèo,

- Hiện trạng và tiềm năng;
- Mục tiêu hoạt động của các THT,
- Các tiềm năng kết hợp tác với các chương trình khác

4. Vấn đề quản lý nhà nước và quan hệ của tổ hợp tác với các đơn vị khác như các hội đoàn thể và UBND các cấp”

- Việc chứng thực hợp đồng hợp tác?
- Các cơ quan nào bảo lãnh cho tổ hợp tác?
- Vì sao nhiều tổ hợp tác chưa muốn hoặc không muốn đăng ký hoạt động với UBND xã

5. Các chính sách cụ thể hiện nay liên quan đến THT:

- Đất đai, vốn, lao động, tiêu thụ sản phẩm,
- Hạn chế của các CS, các qui định nào là phù hợp. Quan hệ với qui định trong Luật dân sự?
- Cơ chế tài chính nhằm hỗ trợ các THT.../.



CÁC CHÍNH SÁCH NHẪM HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ (HỢP TÁC XÃ) Ở VIỆT NAM

Hội thảo: "Hành động tập thể và sự tham gia thị trường - cơ hội thoát nghèo của hộ nông dân nhỏ".
MARD – ADB, Hà Nội ngày 11/5/2006

TS. Chu Tiến Quang
Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương

I. SỰ HÌNH THÀNH CÁC CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI KHU VỰC KINH TẾ TẬP THỂ

- Bộ phận kinh tế tập thể đã hình thành, phát triển ngay từ khi miền Bắc được giải phóng khỏi chế độ thực dân Pháp (năm 1954), sau đó phát triển rộng vào miền Nam sau ngày giải phóng khỏi sự chiếm đóng của quân đội Mỹ (1975).
- Trong hệ thống các loại hình tổ chức của khu vực kinh tế tập thể, " HTX là bộ phận nòng cốt của kinh tế tập thể, dựa trên sở hữu của các thành viên và sở hữu tập thể, liên kết rộng rãi những người lao động, các hộ sản xuất, kinh doanh, các DN nhỏ và vừa thuộc các thành phần kinh tế"
- Để khuyến khích phát triển HTX trong từng giai đoạn phát triển khác nhau Đảng và Chính phủ đã có những chính sách biện pháp hỗ trợ trực tiếp, gián tiếp thông qua nhiều kênh khác nhau: như trợ giúp tài chính, đào tạo và bố trí cán bộ quản lý, điều hành HTX...
- Luật HTX năm 1996, đã quy định về chính sách của Nhà nước đối với HTX là "Nhà nước bảo hộ quyền lợi hợp pháp của HTX, bảo đảm quyền bình đẳng của HTX trong sản xuất kinh doanh, dịch vụ; ban hành các văn bản pháp luật và chính sách khuyến khích phát triển HTX; thông qua HTX để thực hiện các chính sách giúp đỡ, hỗ trợ xã viên xóa đói giảm nghèo, thực hiện bình đẳng, công bằng, và tiên bộ xã hội. Nhà nước tôn trọng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong sản xuất kinh doanh, dịch vụ của HTX, không can thiệp vào việc quản lý và hoạt động hợp pháp của HTX"

II. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VÀ HƯỞNG LỢI CỦA HTX TỪ CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ NƯỚC theo ND số 15CP ngày 21/2/1997

1. Chính sách đất đai

(1). HTX được nhà nước giao đất, hoặc cho thuê đất theo quy định của pháp Luật về đất đai, được bảo đảm về các quyền và nghĩa vụ của các tổ chức được nhà nước giao đất hoặc cho thuê đất theo quy định của pháp Luật và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

(2). HTX sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối nếu được nhà nước giao đất thì không phải trả tiền sử dụng đất.

(3). HTX ở nông thôn miền núi, hải đảo làm nhiệm vụ cung cấp dịch vụ trực tiếp cho sản xuất nông lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối được miễn tiền thuê đất 5 năm đầu.

(4). HTX được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo Luật thuế đối tượng thuê đất được giảm 50% tiền thuê đất trong 2 năm đầu. Trường hợp đã trả tiền sử dụng đất cho nhà nước thì tiền đó được xử lý theo quy định của pháp Luật về đất đai

Để thực hiện, Bộ Tài chính đã ra các Thông tư số: 78 ngày 4/11/97; số 25 ngày 4/3/1998 và số 44 ngày 26/4/1999 hướng dẫn thực hiện. Tình hình thực hiện như sau:

a. Đối với các HTX nông nghiệp:

Mới chỉ đưa ra các chế độ miễn, giảm tiền sử dụng đất hoặc và tiền thuê đất, mà chưa đưa ra được chế độ để trước hết là HTX tiếp cận được với đất, do vậy những HTX nào đã được Nhà nước giao, hoặc cho thuê đất thì mới có cơ hội được hưởng các chính sách về miễn, giảm tiền thuê hoặc tiền sử dụng đất theo quy định của ND.

b. Đối với các HTX phi nông nghiệp:

- Một bộ phận HTX đang vướng mắc trong việc chuyển số diện tích đang sử dụng sang chế độ thuê đất, đó là công sức, chi phí đã bỏ ra để tồn tạo, nâng cấp mặt bằng trong những năm trước kia, nay đã không được thanh toán lại, khi chuyển sang chế độ thuê;

- Một số HTX khác chưa nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên đã không được hưởng chính sách giảm 50% tiền thuê đất.

- Một bộ phận HTX chưa có hoặc có ít đất, muốn thuê đất, nhưng đã không được giải quyết (tương tự như một bộ phận HTX trong nông nghiệp) nên đã không được hưởng các chế độ ưu đãi về tiền thuê đất.

2. Chính sách ưu đãi về thuế

- (1). HTX được cấp giấy chứng nhận ĐKKD theo Luật được miễn giảm thuế doanh thu, thuế lợi tức theo quy định của pháp Luật về thuế doanh thu, thuế lợi tức như đối với cơ sở mới thành lập.
- (2). HTX đánh bắt thủy sản xa bờ, HTX miền núi cao, hải đảo và ở một số vùng khó khăn khác theo quy định của Chính phủ được miễn thuế doanh thu, thuế lợi tức 2 năm kể từ khi được cấp ĐKKD. Các hoạt động dịch vụ của HTX ở nông thôn phục vụ trực tiếp hộ xã viên sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối và dịch vụ thủy lợi, cung cấp điện cho hộ nông dân; HTX bốc xếp thô sơ được miễn, giảm thuế doanh thu, thuế lợi tức 2 năm.
- (3). Các cơ sở kinh doanh hạch toán phụ thuộc trực thuộc HTX, hộ và cá nhân kinh doanh khi là xã viên HTX nhận nhiệm vụ của HTX giao thì không phải trực tiếp nộp thuế môn bài.
- (4). TLSX của xã viên khi góp vốn vào HTX và vốn cổ phần của xã viên, khi làm thủ tục chuyển cho xã viên khác trong HTX được miễn lệ phí trước bạ.

Kết quả khảo sát việc thực hiện các chính sách ưu đãi về thuế và lệ phí trên đây cho thấy như sau:

- Thứ nhất, về ưu đãi thuế thu nhập theo vùng: Khi triển khai Luật thì ở các vùng xa, hải đảo, vùng dân tộc đã không tồn tại HTX nữa hoặc có thì cũng chỉ lác đác, do HTX quá yếu kém đã tự tan rã, giải thể. Do đó, chính sách đã không có đối tượng hưởng lợi. Mặt khác, có rất nhiều HTX hoạt động ở các vùng được xác định không phải là khó khăn hoặc không phải vùng dân tộc, nhưng bản thân chúng lại đang gặp khó khăn, rất cần được nhà nước giúp đỡ thì lại bị loại ra khỏi đối tượng hưởng lợi.

- Thứ hai, về ưu đãi thuế thu nhập DN theo hoạt động của HTX: Trong thực tế các cơ quan thuế ở địa phương, và bản thân HTX rất khó phân biệt và nhận biết loại hoạt động nào là kinh doanh không được hưởng ưu đãi về thuế, hoạt động nào là dịch vụ cho hộ xã viên trong diện được hưởng ưu đãi về thuế để đòi hỏi được hưởng chế độ miễn hoặc giảm thuế thu nhập DN,

- Thứ ba, về mức thuế thu nhập DN: Chính phủ đã giảm mức thuế thu nhập từ 32% xuống 28%, nhưng rất nhiều Quý đề nghị giảm thêm xuống mức 20-25% vì hoạt động tín dụng của các Quý cũng mang tính chất dịch vụ về vốn trong nội bộ các thành viên tham gia Quý.

- Thứ tư, quy định quá chi tiết: việc quy định quá chi tiết các mức ưu đãi cũng gây ra những khó khăn trong thực hiện.

- Thứ năm, việc ưu đãi thuế GTGT: đã phát sinh bất cập là hầu hết các HTX chế biến nông sản đã không được khấu trừ phần thuế GTGT trên giá trị mua nông sản nguyên liệu của nông dân để đưa vào chế biến do không có hoá đơn, chứng từ theo quy định.

3. Chính sách ưu đãi về tín dụng.

a. Đối với nguồn vốn tín dụng của các ngân hàng thương mại:

Chỉ một tỷ lệ rất nhỏ HTX trong lĩnh vực phi nông nghiệp có đủ các điều kiện để chấp theo yêu cầu của ngân hàng được vay vốn, còn số đông các HTX, nhất là HTX trong nông nghiệp đã không thể vay được vốn của Ngân hàng do không đủ các điều kiện để chấp và những quy định cụ thể khác.

b. Đối với các nguồn vốn từ các chương trình mục tiêu:

Số HTX đã được vay từ nguồn vốn tạo việc làm (chương trình 120) thông qua hệ thống liên minh HTX Việt Nam (TW và các tỉnh), từ năm 1993 đến cuối năm 2001 là 541 đơn vị với số vốn là 42,9 tỷ đồng. Đối với các nguồn vốn khác như vốn từ quỹ hỗ trợ phát triển, vốn từ các chương trình dự án nhỏ nguồn trong nước và nước ngoài thì HTX rất ít được tiếp cận. Chưa chỉ dẫn HTX phải làm thế nào để được vay vốn từ các nguồn này.

4. Chính sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho HTX

Nhóm chính sách này thể hiện sự yếu kém và bất cập thể hiện trên 2 mặt sau:

Một là: Kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng cán bộ cho HTX chưa được hình thành theo đúng nhu cầu thực tế của từng loại HTX và từng chức danh trong HTX. Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ HTX do các cơ quan quản lý nhà nước và Liên minh HTX Việt Nam để xuất quá còn giản đơn, mang tính chủ quan do việc thống kê nhu cầu đào tạo chưa được làm cụ thể từ từng HTX.

Hai là: Giáo trình đào tạo và bồi dưỡng chưa được chuẩn bị sát với nhu cầu của từng đối tượng trong HTX.

Ba là: Việc thực hiện chế độ giảm 50% kinh phí đối với các chức danh quản lý và điều hành HTX nếu đi học đã chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế.

5. Chính sách hỗ trợ thông tin và nghiên cứu thị trường

Chính sách này mới dừng ở “tư tưởng” mà chưa có các cơ chế cụ thể để triển khai, do đó hầu hết các HTX chưa được hưởng lợi gì cụ thể từ chính sách này.

6. Chính sách bảo hiểm xã hội

- Hiện nay, đã có văn bản của Bộ Lao động quy định xã viên HTX cũng được tham gia đóng bảo hiểm, nhưng chưa cụ thể đóng theo mức nào, ở đâu.

- Trong bối cảnh đó một số HTX đề nghị nhà nước có chế độ hưu trí đối với cán bộ quản lý và điều hành HTX như cán bộ, công chức nhà nước, hoặc phải có chế độ bảo hiểm riêng đối với người lao động trong HTX phù hợp với mức thu nhập thấp của họ.

- Tư tưởng trên đây cần được thể chế hoá thành các quy định cụ thể của nhà nước thì cán bộ và xã viên HTX mới có thể được hưởng lợi.

NHẬN XÉT CHUNG VỀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI HTX THEO ND 15/CP.

- 1.** Các quy định về chính sách đối với HTX theo ND 15/CP đã thể hiện chủ trương của Đảng và Chính phủ về phát triển HTX và kinh tế tập thể.
- 2.** Khi các chính sách ưu đãi không rõ ràng về: đối tượng hưởng lợi; cơ chế triển khai, thì tất yếu sẽ dẫn đến khó thực hiện thành công chính sách.
- 3.** Việc thực thi chính sách không đúng đối tượng hoặc không đúng mục tiêu đã xác định của chính sách có thể gây ra sự trì trệ, ý nại và lợi dụng của các HTX vào các ưu đãi của nhà nước, thậm chí có thể là tác nhân dẫn đến hình thành một bộ phận HTX không đích thực.
- 4.** Cần tiếp tục hoàn thiện các chính sách khuyến khích phát triển HTX theo hướng quy định rõ đối tượng và điều kiện hưởng lợi của từng chính sách.

III. HOÀN THIỆN CÁC C/S ĐỐI VỚI HTX THEO LUẬT HTX 2003

3.1. Những quy định của Luật HTX năm 2003 về chính sách đối với HTX

1. Nhà nước thực hiện các chính sách sau đây đối với HTX:

- a. Ban hành và thực hiện các chính sách, các chương trình hỗ trợ phát triển HTX về đào tạo cán bộ; phát triển nguồn nhân lực; đất đai; tài chính; tín dụng; xây dựng quỹ hỗ trợ phát triển HTX; áp dụng khoa học và công nghệ; mở rộng thị trường; đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng; tạo điều kiện để HTX được tham gia các chương trình phát triển kinh tế xã hội của Nhà nước;
- b. Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để HTX phát triển;
- c. Bảo đảm địa vị pháp lý và điều kiện sản xuất, kinh doanh của HTX bình đẳng với các loại hình DN khác;
- d. Bảo hộ quyền và lợi ích hợp pháp của HTX theo quy định của pháp luật;
- đ. Tôn trọng quyền tự chủ, tự quyết, tự chịu trách nhiệm của HTX trong sản xuất kinh doanh;
- e. Không can thiệp vào công việc quản lý nội bộ và hoạt động của HTX .

2. Đối với HTX nông nghiệp, Chính phủ quy định cụ thể chính sách ưu đãi phù hợp với đặc thù và trình độ phát triển trong từng thời kỳ.

3.2. Những quan điểm đổi mới trong chính sách đối với HTX.

Thứ nhất: “Chính sách hỗ trợ, khuyến khích” của Nhà nước với HTX là sự hỗ trợ một số nguồn lực quan trọng để giúp HTX giảm bớt khó khăn ở thời điểm ban đầu sau khi thành lập và hoạt động theo Luật HTX và hỗ trợ HTX tham gia thị trường.

Thứ hai: Các chính sách hỗ trợ HTX phải phù hợp với xu thế chung về đổi mới chính sách theo yêu cầu hội nhập kinh tế.

Thứ ba: Chính sách hỗ trợ đối với HTX chỉ áp dụng cho các HTX thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của Luật HTX 2003.

Thứ tư: Chính sách hỗ trợ sẽ hướng vào bộ phận HTX có ý thức tự lực vươn lên, xã viên HTX có tinh thần hợp tác cao trong xây dựng và phát triển HTX.

Thứ năm: Chính sách phải tác động đúng, giúp HTX giải quyết những khó khăn, đáp ứng nhu cầu chính đáng của HTX, không phân biệt địa bàn hoạt động.

3.3. Những nội dung cơ bản của Nghị định 88/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005.

a. Về đối tượng và phạm vi điều chỉnh:

+ **Đối tượng, bao gồm:** Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã đăng ký hoạt động theo Luật Hợp tác xã năm 1996 và đăng ký bổ sung Điều lệ, thực hiện theo quy định của luật HTX năm 2003; các HTX mới thành lập và đăng ký hoạt động theo quy định của Luật HTX năm 2003.

+ **Phạm vi, bao gồm:** Thành lập; bồi dưỡng, đào tạo; đất đai; tài chính; tín dụng; xúc tiến thương mại; ứng dụng công nghệ; đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất của HTX, đời sống của cộng đồng xã viên và tham gia các chương trình phát triển kinh tế - xã hội.

b. Nội dung cụ thể của từng chính là:

1). Chính sách hỗ trợ, khuyến khích thành lập HTX.

Thông tin, tư vấn kiến thức về HTX; các dịch vụ tư vấn về xây dựng Điều lệ hợp tác xã, hoàn thiện các thủ tục để thành lập, đăng ký kinh doanh và tổ chức hoạt động của HTX.

2). Chính sách bồi dưỡng, đào tạo

+ **Đối tượng :**

- Các chức danh trong Ban Quản trị, Ban Chủ nhiệm, Ban Kiểm soát, kế toán trưởng
- Xã viên đang làm công việc chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ của hợp tác xã.

+ **Hỗ trợ như sau:**

- Tiền vé đi, vé về bằng phương tiện giao thông công cộng (trừ máy bay);
- Kinh phí mua tài liệu, tổ chức, quản lý, hội trường, thù lao giảng viên...

+ Các đối tượng được hợp tác xã cử đi đào tạo (chính quy hoặc tại chức) tại các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, trường dạy nghề được hỗ trợ tối thiểu 50% tiền học phí theo quy định của trường, đồng thời phải đáp ứng các điều kiện....

3). Về chính sách đất đai.

+ Đối với HTX nông nghiệp:

- Hợp tác xã chưa được giao đất thì làm thủ tục xin giao đất. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào quỹ đất của địa phương xem xét, quyết định việc giao đất không thu tiền sử dụng đất...
- Hợp tác xã đang sử dụng đất vào các mục đích xây dựng trụ sở, nhà kho, sân phơi, cơ sở dịch vụ trực tiếp phục vụ sản xuất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
- Ngoài diện tích đất giao không thu tiền sử dụng đất, hợp tác xã nông nghiệp còn được hưởng các quyền khác theo luật đất đai.

+ Đối với HTX phi nông nghiệp:

Hợp tác xã được lựa chọn hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc hình thức thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm theo quy định của pháp luật đất đai;

4). Về chính sách thuế.

+ Hợp tác xã được ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp đối với phần thu nhập từ các hoạt động dịch vụ phục vụ sản xuất, kinh doanh của xã viên theo quy định của pháp luật về thuế.

+ Đối với các hợp tác xã nông nghiệp, ngoài được hưởng ưu đãi theo quy định trên đây còn được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với phần thu nhập tạo ra từ hoạt động dịch vụ trực tiếp phục vụ đời sống xã viên

5). Về chính sách tín dụng.

+ Hợp tác xã có dự án đầu tư mới, đầu tư mở rộng năng lực sản xuất, kinh doanh thì được vay vốn đầu tư phát triển từ Quỹ hỗ trợ phát triển theo quy định tại Nghị định số 106/2004/NĐ-CP và Nghị định số 20/2005/NĐ-CP.

+ Đối với các hợp tác xã có dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu thuộc diện ưu đãi đầu tư thì được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định tại Nghị định số 51/1999/NĐ-CP.

6). Chính sách hỗ trợ hoạt động xúc tiến thương mại

Các hợp tác xã sản xuất hàng hóa xuất khẩu không thuộc đối tượng được hỗ trợ kinh phí từ chương trình xúc tiến thương mại trọng điểm quốc gia được hỗ trợ 50% kinh phí theo quy định của chương trình xúc tiến thương mại trọng điểm quốc gia.

7). Chính sách hỗ trợ HTX ứng dụng đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ, khuyến nông, khuyến ngư và khuyến công.

- HTX có dự án ứng dụng đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ thì được vay vốn trung và dài hạn từ Quỹ phát triển KH và CN Quốc gia, của các Bộ, ngành và địa phương.

- HTX tổ chức tập huấn cho xã viên tiếp thu công nghệ mới thuộc Chương trình xây dựng mô hình ứng dụng và chuyển giao KH và CN phát triển KT - XH nông thôn và miền núi thì được hỗ trợ 100% kinh phí;

8). Chính sách hỗ trợ hợp tác xã đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất, đời sống của cộng đồng xã viên và các chương trình phát triển KT - XH.

- Hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã và đời sống xã viên;
- Xây dựng cụm công nghiệp, cụm làng nghề nông thôn để phát triển sản xuất và kinh doanh

9). Xây dựng quỹ hỗ trợ phát triển HTX

Bộ Tài chính cùng với các Bộ khác có liên quan và Liên minh HTX đang nghiên cứu để hình thành đề án về “thành lập và sử dụng quỹ hỗ trợ phát triển HTX”

3.3. Tình hình triển khai Nghị định 88.

Từ khi Nghị định được ban hành ngày 11/7/2005 đến hôm nay (11/5/2006), đúng tròn 10 tháng phải triển khai nghiên cứu, ban hành các thông tư hướng dẫn rất chi tiết về thực hiện từng nội dung đã quy định trong Nghị định 88, đây là khâu yếu nhất trong toàn bộ quá trình triển khai, thực hiện các chủ trương, tư tưởng về chính sách hỗ trợ, khuyến khích đối với HTX ở Việt Nam.

Cho đến nay theo nhiệm vụ được giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Thông tư số 02/2006/ TT-BKH ngày 13/2/2006 hướng dẫn thực hiện những quy định sau:

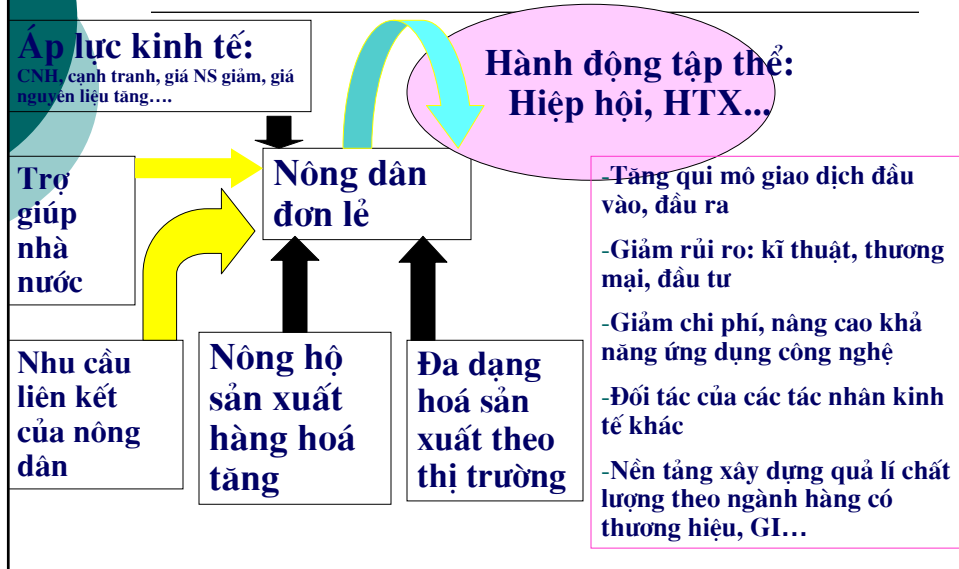
- Hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ, khuyến khích thành lập HTX (Điều 3);
- Hướng dẫn thực hiện chính sách đào tạo, bồi dưỡng các chức danh trong HTX (Điều 4);
- Hướng dẫn thực hiện quy định về chính sách ưu đãi đầu tư đối với HTX (khoản 2 Điều 8);
- Hướng dẫn thực hiện quy định về chính sách hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng cụm công nghiệp, cụm làng nghề nông thôn để phát triển sản xuất kinh doanh.

KẾT LUẬN

Các chính sách hỗ trợ và khuyến khích phát triển HTX theo Nghị định số 88 CP ngày 11/7/2005 đã bao quát nhiều lĩnh vực có liên quan đến phát triển HTX, trong đó có những chính sách mang tính ưu đãi rất hấp dẫn.

- 1). Để giúp HTX tiếp cận được các quy định về chính sách của Nghị định 88 thì các cơ quan quản lý nhà nước đối với HTX ở từng lĩnh vực phải nghiên cứu cụ thể về tình hình đặc thù của HTX theo lĩnh vực và theo vùng để hướng dẫn.
- 2). Bản thân các HTX phải năng động, đòi hỏi tham gia hưởng lợi.
- 3). Chính sách chỉ có mục tiêu hỗ trợ, vì vậy chính sách không giải quyết được hết mọi khó khăn của HTX và không đảm bảo cho sự phát triển thành công của từng HTX.
- 4). Chính sách hỗ trợ HTX không kéo dài, mà sẽ thay đổi khi tình hình thực tế thay đổi.
- 5). Cho đến nay ở Việt Nam chính sách khuyến khích đối với khu vực kinh tế tập thể được hiểu là chính sách khuyến khích đối với các HTX, mà không áp dụng đối với các loại hình tổ chức kinh tế tập thể khác như : tổ hợp tác; nhóm hợp tác; các câu lạc bộ, hội nghề nghiệp.

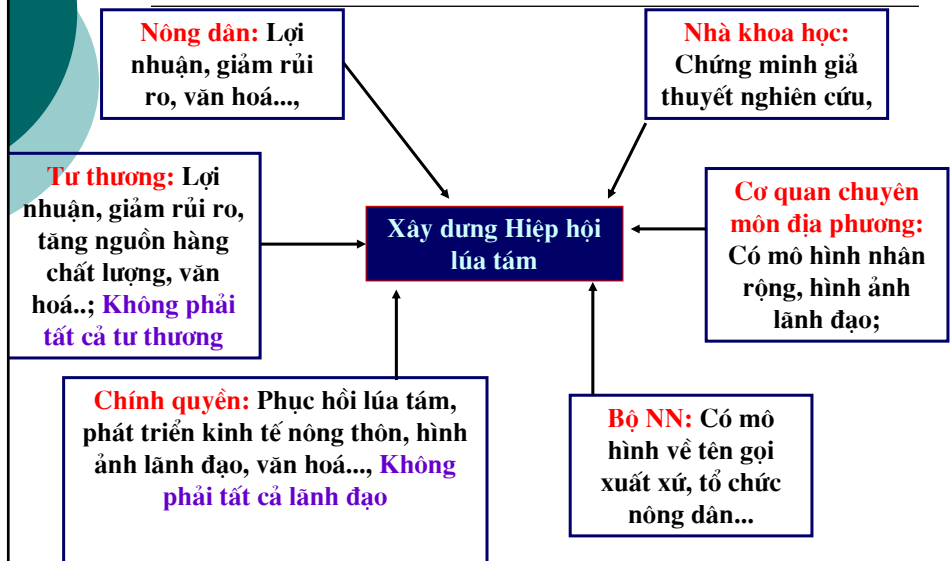
Các yếu tố thúc đẩy sự phát triển hành động tập thể trong nông nghiệp nông thôn Việt nam



Quan hệ cung cầu của ngành hàng và hành động tập thể

- **Nhu cầu mới tại đô thị, (siêu thị..):** Chất lượng sản phẩm (vệ sinh, đặc sản,...), qui mô phân phối, tính ổn định về cung ứng
- **Nhu cầu của thị trường xuất khẩu:** Chất lượng, hàng rào kĩ thuật, ...
- **Các mặt hàng đặc sản bị lẫn lộn với các sản phẩm khác** khi đưa ra thị trường, gạo tám bán trên thị trường chỉ có 30-70% gạo tám nguyên chất
- **Không có ngành hàng đặc sản riêng biệt, chất lượng không tham gia có hiệu quả vào giao dịch mua bán**
- **Nông dân:** Qui mô nhỏ, chất lượng thấp, giá thành cao, thiếu liên kết, phân tán, diện tích lúa tám suy giảm
- **Thiếu hành động tập thể trong:** tổ chức sản xuất, quản lí chất lượng, phân phối sản phẩm. Sản xuất không thoả mãn đòi hỏi của thị trường do thiếu hành động tập thể của ngành hàng

Điểm hội tụ trong lợi ích các tác nhân khi xây dựng một mô hình hành động tập thể (Hiệp hội)



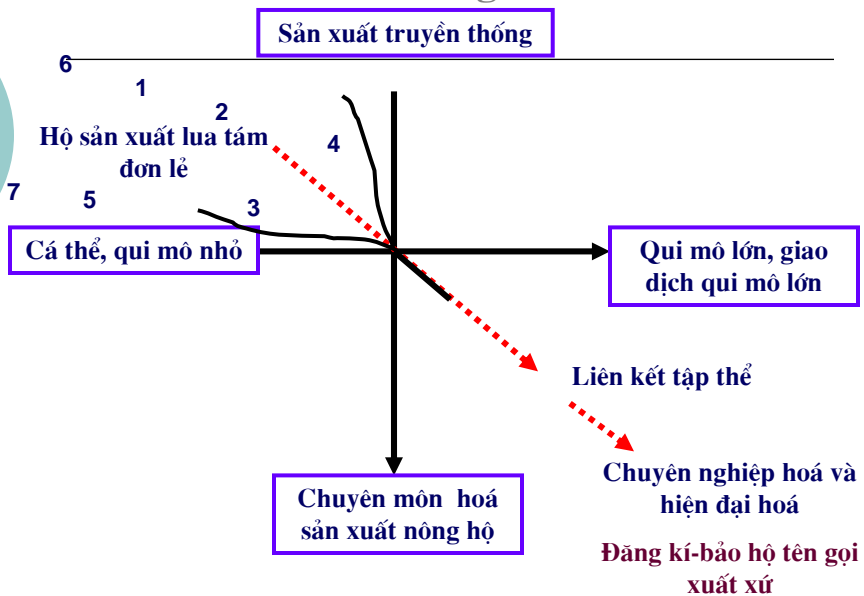
Phần II

Giả thuyết và phương pháp nghiên cứu

Giả thuyết nghiên cứu

Hành động tập thể giữa nông dân và các tác nhân đầu ra là cơ sở cho việc phát triển ngành hàng gạo tám tẻ gọi xuất xứ

Hành động tập thể và phát triển ngành hàng



Vai trò của hành động tập thể trong xây dựng sản phẩm có nguồn gốc xuất xứ cho gạo tám xoan



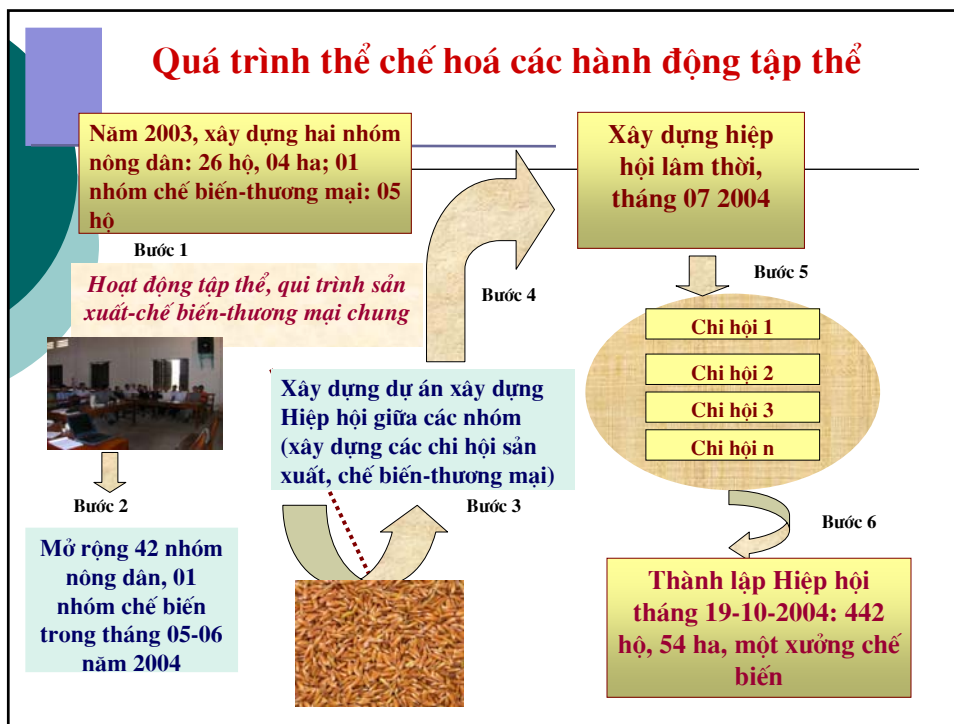
Nghiên cứu-phát triển tên gọi xuất xứ địa lí và xây dựng hành động tập thể

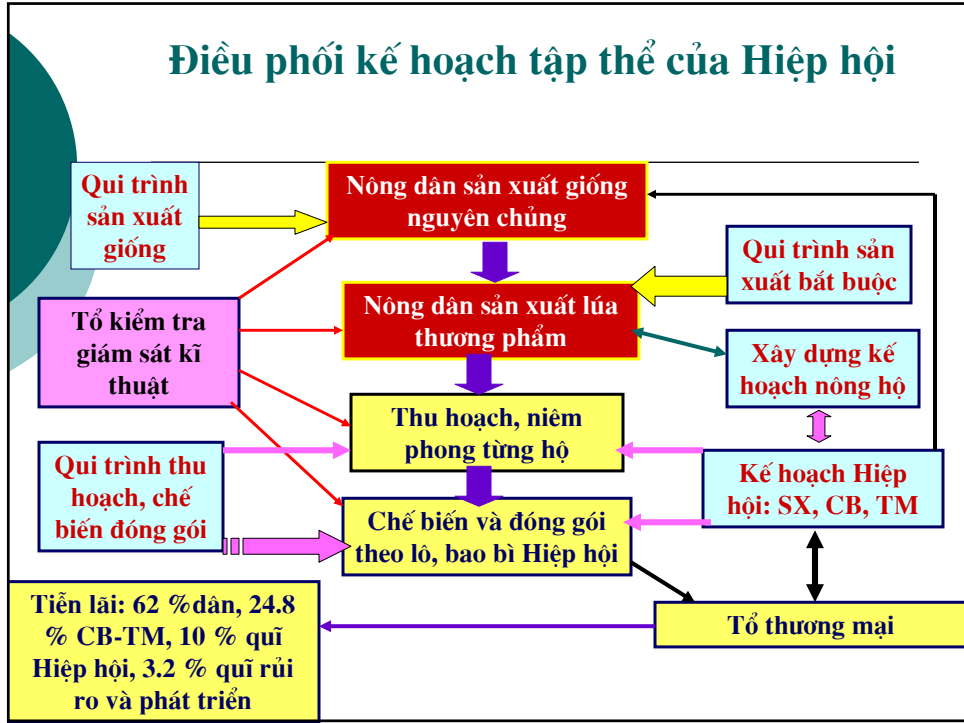
- Hành động tập thể của nông dân, thương nhân là cơ sở cho quá trình tổ chức sản xuất, và tổ chức ngành hàng, quản lí chất lượng, phát triển tên gọi xuất xứ
- Việc hình thành và phát triển sản phẩm xuất xứ địa lí phải gắn liền với sở hữu mang tính cộng đồng, thông qua hành động tập thể của mình, nông dân sẽ là tác nhân cơ bản cùng thương nhân phát triển sản phẩm
- Tên gọi xuất xứ địa lí chỉ có thể được phát triển thông qua hành động tập thể của nông dân trong tăng thu nhập và phát triển nông thôn

Phần III

Kết quả nghiên cứu







- ### Các chức năng tổ chức-quản lí chung của Hiệp hội
- Xây dựng và điều hành kế hoạch sản xuất từ nông hộ đến Hiệp hội
 - Xây dựng nguyên tắc quản lí, vai trò từng cấp trong hiệp hội
 - Xây dựng định mức kinh tế, phân chia lãi cho các thành viên, quản lí các quỹ...
 - Đại diện cho nông dân hiệp hội trong xây dựng quan hệ các cấp chính quyền, cơ quan chuyên môn, ngân hàng
 - Tổ chức triển khai cùng các cơ quan tư vấn, chính quyền xây dựng hồ sơ đăng bạ và xin bảo hộ tên gọi xuất xứ cho gạo tám xoan

Hoạt động tập thể trong thương mại hoá sản phẩm năm 2005

- Giới thiệu sản phẩm tại chỗ và 04 hội chợ
- Xây dựng mạng lưới phân phối gạo tám tại Hà nội và các Tỉnh
- Kí hợp đồng với công ty phân phối gạo tám tại các đại lí và siêu thị
- Khó khăn trong xây dựng mạng lưới bán hàng do thiếu kinh nghiệm và cạnh tranh của gạo ngoại nhập, các đại lí địa phương, các công ty bán gạo tám rởm

Lợi ích kinh tế-xã hội của hành động tập thể

- Tạo ra một tác nhân kinh tế độc lập (HH gạo tám), là cơ sở để chuyên sản xuất và kinh doanh sản phẩm có nguồn gốc xuất xứ địa lí (AOP)
- Liên kết tập thể của nông dân và thương nhân trong chia sẻ lợi nhuận và rủi ro
- Xây dựng hành động tập thể trong một ngành hàng khép kín từ sản xuất-chế biến và kinh doanh: cơ sở quản lí chất lượng sản phẩm từ sản xuất-phân phối
- Giúp chính quyền có đối tác để triển khai xây dựng-phát triển sản phẩm có tên gọi xuất xứ địa lí (AOP)



Khó khăn hiện tại

- Quản lý, điều phối các hành động tập thể cần được hoàn thiện: điều hành sản xuất, chất lượng, tài chính.
- Hiệp hội khó vay vốn để dự trữ thóc cho nông dân để chế biến quanh năm, do nông dân nghèo cần tiền vào vụ mới
- Sản phẩm của Hiệp hội chưa quảng bá rộng, thiếu kinh phí quảng cáo, ít người tiêu dùng và công ty phân phối biệt
- Xây dựng mạng lưới phân phối ổn định khó khăn do các điều kiện của siêu thị
- Kinh phí nghiên cứu hạn hẹp để trợ giúp nông dân trong tư vấn mọi mặt
- Các cấp chưa quen với sự có mặt của Hiệp hội

Nghiên cứu-phát triển tiếp theo

- Nghiên cứu trợ giúp Hiệp hội gạo tám và tỉnh Nam định hoàn chỉnh hồ sơ xin đăng bạ và bảo hộ tên gọi xuất xứ
- Nghiên cứu hoàn chỉnh hệ thống phân phối cho Hiệp hội
- Xây dựng quảng bá sản phẩm, qui hoạch và phát triển sản xuất
- Xuất bản tài liệu, quảng bá mô hình

Phần IV

Kết luận và đề nghị

Kết luận

Hành động tập thể của người dân đã:

- Bảo tồn sản xuất lúa tám xoan trên thực địa thông qua tổ chức nông dân và ngành hàng đặc sản
- Nâng cao thu nhập nông dân/nghèo thuần nông
- Xây dựng hình thức *tổ chức sản xuất* mới/cộng đồng nông dân chuyên nghiệp
- Xây dựng liên kết nông dân-chế biến-thương mại
- Nâng cao cạnh tranh gạo tám xoan, hộ nông dân/xây dựng một tác nhân kinh tế mới
- Làm cơ sở xây dựng và quản lý tên gọi xuất xứ



Đề nghị

- Nhà nước có chính sách phát triển các Hiệp hội ngành hàng
- Hỗ trợ hiệp hội về cơ chế để vay tín dụng, trợ giúp kĩ thuật, quảng bá, xúc tiến thương mại, quản lí chất lượng
- Giúp Hiệp hội chống hàng giả gạo tằm trên thị trường
- Bộ NN và PTNT công nhận đây là một tiến bộ khoa học công nghệ về quản lí sản xuất để có thể làm cơ sở nhân rộng và phát triển ở Nam định và các địa phương khác.




Xin chân thành cảm ơn

Lãnh đạo Bộ NN và PTNT làm việc với UBND Huyện hải hậu







**Xin chân thành cảm
ơn các quý vị**



THAM GIA THỊ TRƯỜNG CỦA MỘT ĐẶC SẢN MIỀN NÚI

TRƯỜNG HỢP HỘI HỒNG KHÔNG HẠT BẮC KẠN

Tác giả: TS. Đào Thế Anh

Ths. Vũ Hữu Cường

(Bộ môn Hệ thống Nông nghiệp, Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm,
Viện khoa học nông nghiệp Việt nam)

Hà nội, 11/05/2006



**Cây hồng không hạt
Bắc Kạn trên 100 năm tuổi**

ĐẶT VẤN ĐỀ

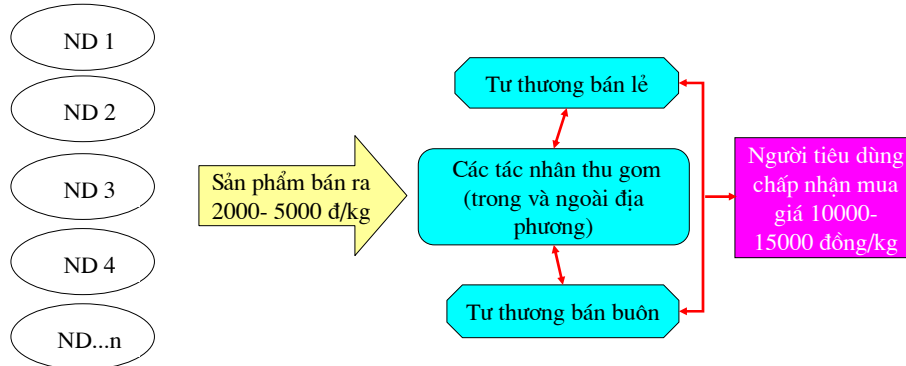
**Thị trường có nhu cầu về Hồng
không hạt Bắc kạn.**

**Đây là cơ hội cho nông dân xóa đói
giảm nghèo thông qua hành động
tập thể để tham gia thị trường.**

➤ **Bối cảnh vùng sản xuất và thị trường hồng không hạt Bắc Kạn trước khi có Hội**

Hộ nông dân (ND) trồng hồng phân tán, không có quy trình SX chung

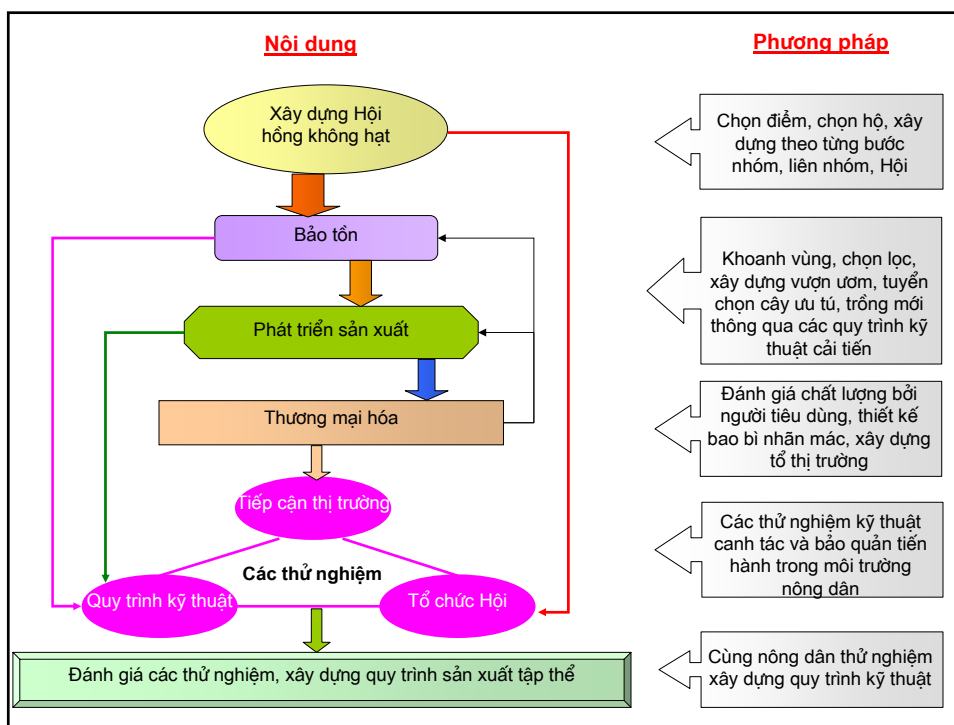
1. Chi phí dịch vụ sản xuất cao do xa và quy mô nhỏ
2. Khó tiếp cận thông tin tiến bộ khoa học kỹ thuật.
3. Khó tiếp cận thị trường do chất lượng không đều và ít.
4. Không có chủ thể để quản lý Chỉ dẫn địa lý.



➤ **Giải pháp dự kiến: thúc đẩy hành động tập thể của nông dân thông qua Hội chuyên ngành để tự cung cấp dịch vụ và tham gia quản lý ngành hàng.**

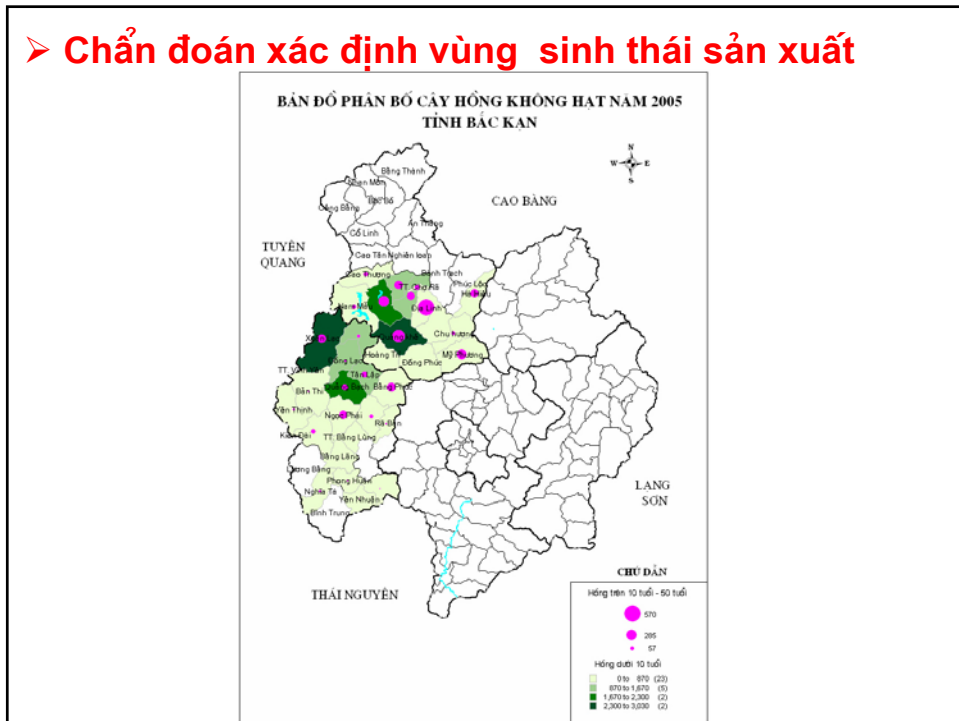
➤ **Mục tiêu cụ thể của nghiên cứu – phát triển:**

- Hỗ trợ thành lập Hội hồng nhằm tự cung cấp và quản lý các dịch vụ tập thể cho nông dân nhỏ.
- Hỗ trợ nông dân Bảo tồn giống thông qua phát triển hồng không hạt thành vùng hàng hoá.
- Hỗ trợ nông dân tiếp cận thị trường thông qua tổ chức Hội.





➤ **Chẩn đoán xác định vùng sinh thái sản xuất**



➤ **Các bước và kết quả xây dựng nhóm nông dân**

Bước 1: Họp chính quyền thôn, xã

Thảo luận với chính quyền địa phương về mục đích và kế hoạch xây dựng nhóm và địa phương ra quyết định thành lập.

Bước 2: Thành lập nhóm hoàn toàn tự nguyện

Bước 3: Bầu ban lãnh đạo nhóm theo phương thức dân chủ

Bước 4: Xây dựng nội quy, quy chế, chức năng, nhiệm vụ và nội dung hoạt động của nhóm (thông qua và biểu quyết).

STT	Nhóm	Thành viên 2003	Thành viên 2004
1	Ngọc Phái	0	6
2	Quảng Bạch	14	11
3	Tân Lập	16	11
4	Đồng Lạc	0	16
5	Xuân Lạc	16	16
Tổng		46	60

➤ **Các bước và kết quả xây dựng Hội**

Bước 1: Họp lãnh đạo liên nhóm thành lập Ban sáng lập

Bước 2: Vận động nông dân theo nhóm về ý tưởng thành lập hội

Bước 3: Bầu ban lãnh đạo Hội lâm thời, xây dựng phương án hoạt động, điều lệ hoạt động...

Bước 4: Gửi hồ sơ xin thành lập Hội đến cơ quan có thẩm quyền

Bước 5: Tổ chức Đại Hội

Tiến hành tổ chức Đại Hội; Đại Hội trừ bị và đại Hội chính thức bầu ra ban chấp hành Hội và thông qua điều lệ hội chính thức.

Kết quả hoạt động Hội:

- Tháng 7 năm 2005 thành lập Hội gồm 54 hội viên
- Xây dựng 1 tổ kỹ thuật (7 người), 1 tổ thương mại (3 người)
- Tập huấn 3 đợt: xây dựng tổ chức nông dân, kỹ thuật, thị trường với 64 lượt người tham gia.
- 01 đợt thăm quan mô hình tại Thái Nguyên với 13 lượt người.

➤ **Hoạt động Bảo tồn giống hồng gốc tại chỗ (insitu)**

-Tuyển chọn cây ưu tú. Đã khai thác được **6000** cành/5cây ưu tú đạt tiêu chuẩn làm cành ghép.

➤ **Hoạt động Phát triển sản xuất của hộ nông dân**

- Tổ chức tập huấn kỹ thuật xây dựng vườn ươm: Chọn đất và kỹ thuật sản xuất, ghép cây → Xây dựng 5 vườn ươm: **1708m²**.

- Năm 2004 sản xuất **7000** cây, 2005: **20.000** cây

- Tập huấn 5 đợt về kỹ thuật trồng hồng bền vững

- Trồng mới được **16ha** (1ha = 300cây) Hiệp hội trồng 11ha, ngoài hội 5ha. Cây giống do vườn ươm của Hội cung cấp

➤ **Hiệu quả kinh tế từ hoạt động vườn ươm tại chỗ**



Vườn ươm hồng giống của Hội



STT	Chỉ tiêu	Tổng
1	Số cây vườn ươm	7.000
2	Số cây sống	6.800
3	Số cây được ghép	5.600
4	Tỉ lệ ghép sống (%)	84
5	Số cây ghép sống	4.690
6	Giá bán cây	11.000
7	Doanh thu	51.590.000
8	Chi phí sản xuất	20.221.000
9	Lãi/3vườn	31.369.000
10	Lãi/cây	4.192

➤ **Hiệu quả kinh tế của các cơ cấu cây trồng và Hồng không hạt Bắc Kạn (1ha/năm)**

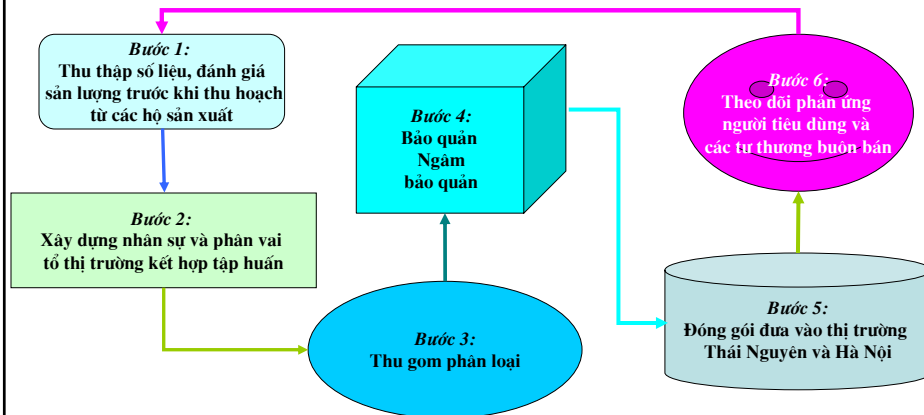
Chỉ tiêu Cơ cấu cây trồng	Chi phí sản xuất (1000đ)	Doanh thu (1000đ)	Lãi thuần (1000đ)
Bỏ hoá vụ xuân + Lúa Mùa	3334	10368	7034
Ngô + Lúa	6623	16743	10120
Lúa xuân + Lúa mùa	6026	17008	10982
Dậu tương xuân + lúa mùa	5438	16668	11230
Hồng không hạt (ngoài Hội)	8535	27000	18465
Hồng không hạt (trong Hội)	7883	43200	35317
Hồng kết hợp trồng xen (trong Hội)	11217	53568	42351

➤ **Quảng bá sản phẩm**



- Xây dựng thương hiệu cho hồng không hạt, thiết kế bao bì nhãn mác.
- Tổ chức 2 đợt thi đánh giá chất lượng hồng không hạt năm 2003 và 2004 tại huyện Chợ Đồn
- Sản phẩm hồng tham gia Hội chợ, Triển lãm tại thành phố Hà nội và thành phố Thái nguyên
- Phóng sự về hoạt động hồng được phát tại đài phát thanh và truyền hình huyện Chợ Đồn và thị xã Bắc Kạn.
- Quảng cáo trên báo địa phương

➤ **Các bước tổ chức kênh thương mại của Hội đồng**



Kết quả kinh tế đồng/1 kg sản phẩm

Nam	Giá mua	Lao động	Vận chuyển	Hao hụt	Mác	Dai buộc	túi	Hộp xếp	Chi khác	Tổng chi	Tổng thu	Lai thuan
2004	4750	752	613	1097	500	300	500	303	1000	9815	11346	1530
2005	5500	436	822	550	266	266	299	279	778	9196	11000	1804

Phân loại và đóng gói



Sản phẩm tham gia thị trường Thái Nguyên

➤ **Hiệu quả kinh tế của hoạt động tập thể**

- Hiệu quả kinh tế hoạt động thương mại trong và ngoài Hội

STT	Diễn giải	Năm 2004		Năm 2005	
		Ngoài hội	Trong hội	Ngoài hội	Trong hội
1	Người sản xuất bán hồng tại vườn (đơn vị: đ/kg)	3500	4750	4000	5500
2	Người tiêu dùng mua (đơn vị: đ/kg)	8000	11346	9000	11000

- Hiệu quả kinh tế trong hoạt động tập thể của Hội hồng không hạt

STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	Giá	Thanh tiền (1000 ^d)	Chi phí (1000 ^d)	Lãi (1000 ^d)
1	Bán cây giống	Cây	4690	11000	51.950	20.221	31.369
2	Thương mại 2004	Kg	1975	11346	22.408	1.984	3.022
3	Thương mại 2005	Kg	800	11000	8.800	7.357	1.443
Tổng					83.158	29.562	35.834



➤ **Ưu điểm của hoạt động tập thể của Hội**


1. Xây dựng được tổ chức sản xuất tập thể mới tại địa phương: **Hội sản xuất và thương mại hồng không hạt.**
2. Xây dựng được mối liên kết dọc từ dịch vụ - sản xuất - thương mại hóa cho sản phẩm.
3. Khẳng định chất lượng trên thị trường và nâng cao năng lực cạnh tranh so với các giống hồng khác.
4. Tạo việc làm, giảm nghèo, nâng cao thu nhập cho nông dân.
5. **Mô hình hoạt động tập thể tốt, đạt mục tiêu 3 A: nông dân nghèo tăng năng lực sản xuất – tăng khả năng tiếp cận dịch vụ – tăng khối lượng trao đổi của sản phẩm và dịch vụ.**
6. Định hướng chiến lược bảo tồn tại chỗ giống hồng đặc sản địa phương trong môi trường nông dân.
7. Giúp tỉnh phát triển được vùng sản xuất hàng hoá hồng không hạt: Chợ Đồn, Ba Bể, Ngân Sơn, Pắc nặm

➤ **Những tồn tại của Hội**

1. Hiệu quả hoạt động của ban lãnh đạo Hội còn thấp
2. Chính quyền một số địa phương chưa nhận thức đúng về tầm quan trọng của việc bảo tồn, phát triển hồng không hạt
3. Cây hồng ưu tú chưa được công nhận theo quyết định bình tuyển cây đầu dòng.
4. Diện tích trồng hồng phân tán → hiệu quả chưa cao.
5. Kinh nghiệm tham gia vào thị trường của nông dân còn hạn chế

➤ Các tác động trợ giúp cần thiết

1. Nâng cao nhận thức về bảo tồn phát triển sản xuất Hồng không hạt ở địa phương. Coi đây như:
 - Chiến lược đầu tư phát triển dài hạn ở địa phương
 - Công cụ của chính quyền để tạo sự phát triển bền vững.
2. Hỗ trợ để Hội hồng sớm hoàn thiện thủ tục thể chế hoá chính thức.
3. Cơ quan khoa học và quản lí ở địa phương cần thành lập hội đồng bình tuyển cây hồng đầu dòng.
4. Chính quyền giúp đỡ Đảng bộ Chỉ dẫn địa lý hồng không hạt Bắc Kạn.



Xin chân thành cảm
ơn các quý vị

Hành động tập thể, quản trị và quan hệ giữa các thị trường

Trường hợp nghiên cứu sản phẩm lương tại tỉnh Thanh Hoá

Mục lục



- Nghiên cứu: vùng địa lí, vấn đề và giả thuyết nghiên cứu
- Phân tích quản trị: kết quả chính
- Rủi ro và tiêu thụ sản phẩm: kết quả chính
- Các quan hệ với ngành hàng
- Bài học kinh nghiệm

Vùng địa lí và bối cảnh nghiên cứu

- Hợp tác với IDE
- Huyện Bá Thước và Quan Hoá tỉnh Thanh Hoá.
- Sản phẩm luồng có tiềm năng phát triển thành ngành hàng
- Hành động tập thể có thể thúc đẩy sự tham gia của các hộ sản xuất nhỏ vào phân khúc thị trường chất lượng cao của ngành hàng (thông qua các hoạt động sơ chế: lát sàn nhà, đũa ăn...)



Hành động tập thể

- Các hình thức tổ chức tập thể khác nhau trong vùng: HTX sản xuất, tổ hợp thương mại, HTX tư nhân
- Nghiên cứu chủ yếu tập trung vào mô hình HTX sản xuất
- Có thể áp dụng phương pháp này cho các loại hình tổ chức tập thể khác



HTX sản xuất



- Là một hình thức tổ chức chính thức (có đăng ký hoạt động, quy chế hoạt động...)
- Số lượng thành viên lớn (khoảng 80 thành viên): chủ yếu là các hộ trồng luồng qui mô nhỏ.
- Ban lãnh đạo nhóm do các thành viên bầu theo nguyên tắc “một thành viên, một lá phiếu”
- Phương thức quản trị của HTX qui định Ban lãnh đạo phải chịu trách nhiệm trước thành viên và HTX đảm bảo tăng cường lợi ích cho các thành viên

Thực trạng



- HTX sản xuất thu gom sản phẩm luồng từ các hộ thành viên không ổn định do các hộ này muốn bán sản phẩm của mình cho tư thương địa phương hơn
- HTX không có khả năng thực hiện bất kỳ một hoạt động sơ chế nào

Giả thuyết nghiên cứu sơ bộ



- Phương thức quản trị HTX không có khả năng thích ứng nhạy bén với những khó khăn và cơ hội do ngành hàng luồng mang lại



Phân tích quản trị

- Tác nhân tiêu thụ địa phương hoạt động dựa trên nguyên tắc kinh doanh năng động, có hiệu quả và dựa vào mạng lưới vận chuyển và thu gom



Phân tích mạng lưới tiêu thụ

Phân tích quản trị



- Phương pháp: Lựa chọn mạng lưới
 - Người cung cấp thông tin được yêu cầu đánh giá được sự ảnh hưởng của các tác nhân đến quá trình ra quyết định và hoạt động của tổ chức đối với một nhóm gồm 6 vấn đề.
 - Phương pháp này được áp dụng cho các loại hình tổ chức tập thể khác nhau nhằm đánh giá nhanh hiệu quả của cơ chế quản trị
 - Nếu phương pháp này được áp dụng cho các loại hình tổ chức khác nhau thì có thể xây dựng phân loại các hình thức tổ chức tập thể

Phân tích quản trị



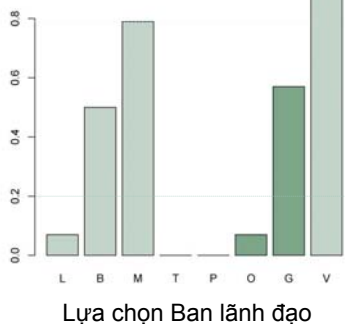
Vấn đề		L	B	M	T	P	O	G	V
Các vấn đề thị trường	Giá luồng								
	Quyết định sản xuất và marketing sản phẩm								
	Khối lượng bán và giá bán								
Các vấn đề quản lý nội bộ	Lựa chọn Ban lãnh đạo								
	Vốn hoạt động, đầu tư và tiếp cận tín dụng,								
	Chia sẻ lợi nhuận/dịch vụ được cung cấp								

Phân tích quản trị



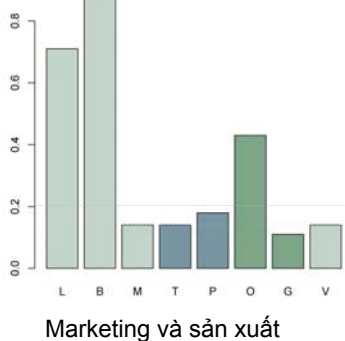
- Các Chỉ số quyền lực và chỉ số ra quyết định chung được tính cho từng tác nhân thông qua 6 vấn đề.
- Các chỉ số được sắp xếp từ 0 (không ảnh hưởng) đến 1 (ảnh hưởng rất lớn)
- Sự chênh lệch giữa các số < 0.2 và 0 không đáng kể

Phân tích quản trị



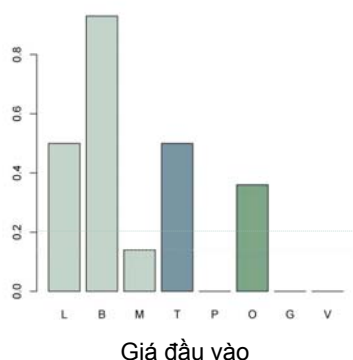
- Bầu theo nguyên tắc biểu quyết
- Sự ảnh hưởng lớn của chính quyền địa phương: CQ địa phương đề cử thành viên Ban lãnh đạo, xã viên HTX bầu.
- Quản lý tổ chức mang tính chính trị; năng lực quản lý kém
- Tập trung vào việc nhập mua nguyên liệu đầu vào hơn là phát triển các dịch vụ theo nhu cầu thị trường
- Thành viên không tin tưởng vào năng lực quản lý của Ban lãnh đạo

Phân tích quản trị



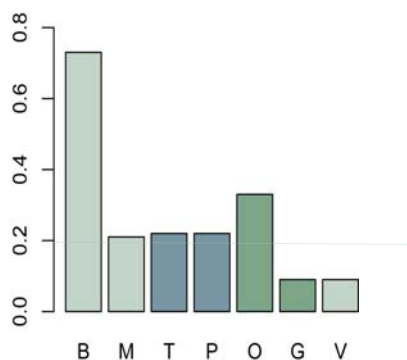
- Quyền quyết định hoạt động của HTX chủ yếu được tập trung vào Ban lãnh đạo
- Các tổ chức hỗ trợ có sự ảnh hưởng lớn đến quyết định hoạt động của HTX
- Các thành viên không tham gia vào quá trình ra quyết định
- Quyết định sản xuất và marketing sản phẩm chưa chắc đáp ứng với nguyện vọng của thành viên và đảm bảo lợi ích cho họ. Thành viên tham gia thiếu nhiệt tình vào hoạt động của HTX

Phân tích quản trị



- Sự ảnh hưởng của các thành viên rất mờ nhạt
- Các tổ chức hỗ trợ tác động đến quá trình quyết định và thực hiện của HTX
- HTX phụ thuộc nhiều vào tác nhân tiêu thụ địa phương
- Khả năng thương lượng của thành viên không được cải thiện một cách đáng kể

Phân tích quản lý tổ chức



Mức độ điều phối hoạt động giữa Ban LĐ và các tác nhân khác

- Có sự điều phối chặt chẽ trong Ban lãnh đạo
- Hợp tác chặt chẽ với tổ chức tài trợ
- Không có điều phối với các tác nhân ngành hàng (đặc biệt là các tác nhân chế biến)
- Không có sự điều phối giữa Ban lãnh đạo và các thành viên
- HTX bị cô lập với thị trường

Phân tích quản trị



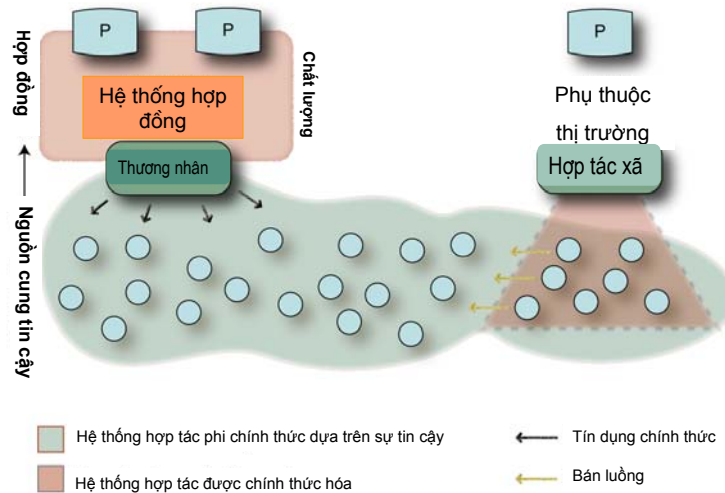
- Chịu sự ảnh hưởng từ bên ngoài
- Thành viên ít tham gia vào quá trình hoạt động
- Sự tín nhiệm và mức độ nhiệt tình của các thành viên đối với HTX không cao
- HTX bị cô lập trên sân chơi thị trường: không liên kết hoạt động với các tác nhân trong ngành hàng

Rủi ro, lòng tin và tiêu thụ sản phẩm



- Người sản xuất vẫn bán sản phẩm chưa phân loại cho một số ít tư thương. Mạng lưới tiêu thụ không phát triển từ 5 năm trở lại đây
- Tác nhân sản xuất và tiêu thụ đã có một mối quan hệ làm ăn lâu dài dựa trên sự liên kết: cho vay vốn và tiêu thụ luồng
- Tác nhân tiêu thụ cho người sản xuất nhỏ vay vốn là một cách để người SX kiểm soát rủi ro.
- HTX không có khả năng tìm được các tác nhân tiêu thụ khác có thể cung cấp nguồn vốn hoạt động cho HTX (hoặc tìm một biện pháp hạn chế rủi ro khác)
- Khi lựa chọn tác nhân tiêu thụ, người SX không chỉ cân nhắc giá cả mà là toàn bộ giá trị dịch vụ mà họ được cung cấp (khả năng vay vốn, sự an toàn, lòng tin, quan hệ lâu dài...)

Sơ đồ liên kết ngành hàng



Bài học kinh nghiệm



■ Về quản trị:

- Cơ chế quản trị chính thức không hoàn toàn phản ánh các quan hệ quyền lực thực sự
- Quản trị là một khái niệm rộng, có liên quan tới các tác nhân của tổ chức đó (tác nhân ngành hàng, chính quyền địa phương, tổ chức bên ngoài) và bao gồm các yếu tố chính thức và không chính thức
- Các yếu kém trong cơ chế quản trị ảnh hưởng đến cách thức liên kết của các hình thức hành động tập thể với ngành hàng
- Cần tìm hiểu mối quan hệ của tổ chức tập thể với môi trường xung quanh (vốn xã hội, lòng tin, cơ chế chính sách...)

Bài học kinh nghiệm



■ Tiêu thụ sản phẩm:

- Sự lựa chọn hoạt động tiêu thụ sản phẩm của người SX không chỉ dựa vào yếu tố giá cả mà là toàn bộ giá trị dịch vụ mà họ được cung cấp (khả năng vay vốn, sự đảm bảo dựa trên lòng tin...)
- Cần chú ý đến những rủi ro và các điểm yếu để đánh giá tiềm năng và hiệu quả của hoạt động tập thể
- Hành động tập thể sẽ không thể thành công nếu không có khả năng làm tăng lợi ích của các kiểu liên kết không chính thức
- Tác nhân SX và tiêu thụ có khả năng hợp tác với nhau. Mỗi quan hệ lâu dài giữa họ dựa trên lòng tin là cơ sở để tăng cường hiệu quả hoạt động của các hình thức tổ chức tập thể

Xin cảm ơn!



Ivan Cucco

Viện nghiên cứu quốc tế
Đại học công nghệ, Sydney

Để biết thông tin chi tiết về nghiên cứu này, liên hệ:

ivan.cucco@student.uts.edu.au

Hành động tập thể và sự tham gia của các hộ sản xuất
nhỏ vào thị trường – Một cơ hội thoát nghèo

THÚC ĐẨY TỔ CHỨC NÔNG DÂN TRONG HOẠT ĐỘNG KHUYẾN NÔNG

Trường hợp nghiên cứu tại Hà nam

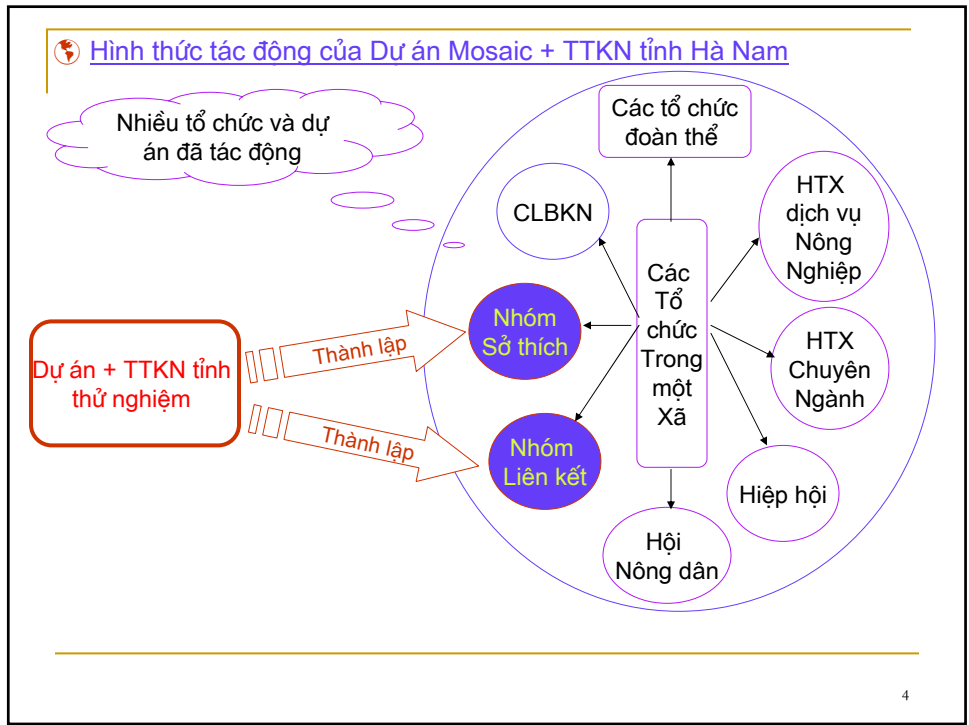
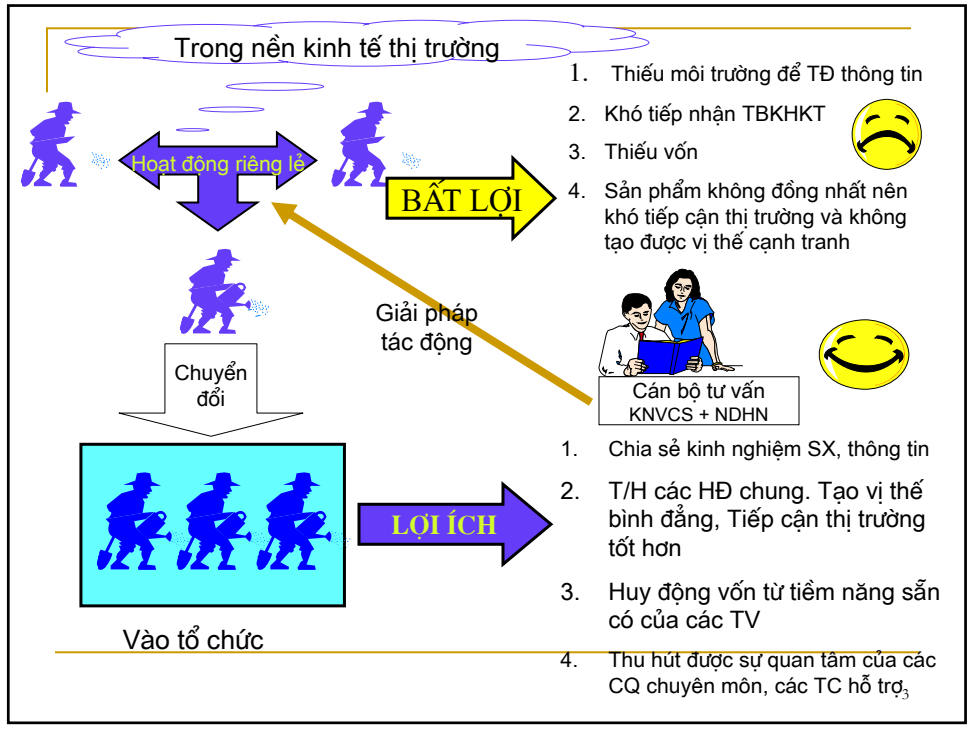
Nhóm CB nghiên cứu: Lê Thị Nhâm
Hoàng Xuân Trường

1

ĐẶT VẤN ĐỀ

Những khó khăn gặp phải khi hộ nông dân
hoạt động riêng lẻ và giải pháp khắc phục?

2

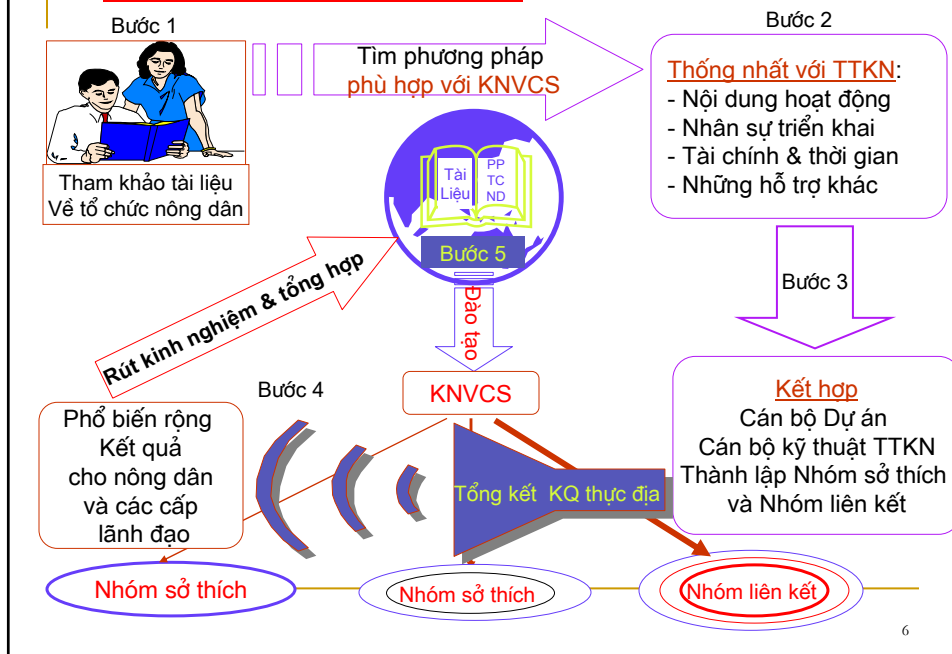


II. MỤC ĐÍCH

1. Khuyến khích những người sản xuất nhỏ lẻ tham gia vào Nhóm sở thích và Nhóm liên kết để phát triển các hoạt động tập thể.
2. Phổ biến những kết quả đạt được từ mô hình Nhóm sở thích và Nhóm liên kết
3. Tổng kết thành một tài liệu về Phương pháp xây dựng Nhóm sở thích và Nhóm liên kết phù hợp với KNVCS và nông dân hạt nhân.
4. Đào tạo nâng cao nguồn nhân lực tại địa phương (KNVCS) về Phương pháp xây dựng Nhóm sở thích và Nhóm liên kết.

5

III. PHƯƠNG PHÁP THỰC HIỆN



6

IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

4.1. THAM KHẢO VÀ TỔNG HỢP TÀI LIỆU

4.1.1. PP THÀNH LẬP NHÓM SỞ THÍCH TRONG VÀ NGOÀI CLB

4.1.2. PP THÀNH LẬP NHÓM LIÊN KẾT

4.2. TRAO ĐỔI VỚI TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG

4.3. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRÊN THỰC ĐỊA

4.3.1. NHÓM SỞ THÍCH

4.3.2. NHÓM LIÊN KẾT

4.4. PHỔ BIẾN KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRÊN THỰC ĐỊA

4.5. TỔNG KẾT THÀNH TÀI LIỆU PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC NÔNG DÂN & ĐÀO TẠO CHO KNVCS

4.1. KẾT QUẢ THAM KHẢO VÀ TỔNG HỢP TÀI LIỆU

4.1.1. PHƯƠNG PHÁP THÀNH LẬP NHÓM SỞ THÍCH

Các bước thành lập	Trong CLB	Ngoài CLB
Bước 1	Xác định nhu cầu theo từng nội dung sản xuất.	Chẩn đoán NN xã, lựa chọn các hộ có cùng sở thích về một lĩnh vực sản xuất, tuyên truyền về lợi ích khi vào NST
Bước 2	Tổ chức họp CLB lên DS các hộ có cùng sở thích (phát đơn), chọn trưởng nhóm	Chọn nông dân hạt nhân làm trưởng nhóm tạm thời và các thành viên tham gia (phát đơn xin nhập nhóm)
Bước 3	Họp trừ bị: Thu đơn và lên danh sách thành viên chính thức.	Họp trừ bị: Thu đơn và lên danh sách thành viên chính thức.
Bước 4	Ra mắt nhóm	Ra mắt nhóm
Bước 5	Tư vấn sau khi thành lập nhóm	

9

4.1.2. PHƯƠNG PHÁP THÀNH LẬP NHÓM LIÊN KẾT

Bước 1. Xác định nhu cầu các hộ nông dân và lựa chọn địa điểm thành lập nhóm. (Phạm vi trong một xã, thôn, xóm)

Bước 2. Lựa chọn nông dân hạt nhân (NDHN) và các hộ nông dân tham gia

Bước 3. Tổ chức họp trao đổi và tư vấn cho NDHN và các hộ ND đã được lựa chọn:

- + Hướng dẫn họ xây dựng nguyên tắc hoạt động.
- + Viết đơn trình UBND xã xin thành lập Nhóm liên kết
- + Phát đơn xin vào nhóm cho các hộ nông dân

Bước 4. Họp trừ bị: Thu đơn và lên danh sách các thành viên chính thức; bầu ban lãnh đạo nhóm chính thức, thống nhất tên nhóm.

Bước 5. Ra mắt nhóm liên kết:

- + Thông qua danh sách các thành viên chính thức của nhóm; nguyên tắc hoạt động và tên của nhóm.
- + Ra mắt ban lãnh đạo nhóm chính thức
- + Thông qua biên bản thành lập nhóm

Bước 6. Tư vấn theo dõi nhóm sau khi thành lập

- + Tư vấn xây dựng kế hoạch hoạt động và thực hiện kế hoạch
- + Tổng kết đúc rút kinh nghiệm

10

4.1.3 Sự khác nhau giữa NST và NLK

Tiêu chí	Nhóm sở thích	Nhóm liên kết
Mục đích hoạt động	Tiếp thu TBKHKT trao đổi thông tin; kinh nghiệm trong 01 lĩnh vực sản xuất.	Thực hiện các hoạt động sản xuất chung trong 01 lĩnh vực nhưng theo hướng sản xuất hàng hoá
chức năng	Là đối tác của Khuyến nông nhà nước Thúc đẩy nông dân tham gia trao đổi kinh nghiệm sản xuất	Là đối tác của Khuyến nông nhà nước Thúc đẩy nông dân tham gia SX tập trung theo hướng hàng hoá
Thành viên tham gia	Đại diện cho các loại hộ nông dân : Nghèo; trung bình, khá	Loại hộ khá và giàu
Mối quan hệ	Là tiền đề cho sự ra đời của nhóm liên kết	Là tiền đề cho sự ra đời của HTX chuyên ngành

11

4.2. TRAO ĐỔI VÀ THỐNG NHẤT VỚI TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG

- ❖ Nội dung, thời gian và địa điểm:
 - ✓ Tư vấn thành lập một số nhóm sở thích, tại huyện Kim Bảng – Hà Nam từ tháng 1/2004.
 - ✓ Thành lập 01 NLK CNL CLC đầu tiên tại xã Đức Lý - huyện Lý Nhân từ tháng 1/2004 , sau đó tiếp tục nhân rộng ra các địa phương khác.
- ❖ Nhân sự: TTKN cử 02 cán bộ kỹ thuật + 5 KNVCS kết hợp với 02 cán bộ Dự án để thực hiện các hoạt động trên.
- ❖ Kinh phí: TTKN kết hợp cùng Dự án Mosaic chi trả theo hình thức 50:50 (mỗi bên chi trả một nửa).
- ❖ Trung tâm Khuyến nông: Ưu tiên đưa các chương trình như: tập huấn, thăm quan; xây dựng mô hình vào CLB và các nhóm được tư vấn và thành lập thí điểm.

Ví dụ: Đưa bò đực giống lai Sind vào nhóm sở thích chăn nuôi bò. Đưa chương trình nạc hoá đàn lợn (lợn nái ngoại) vào các nhóm liên kết chăn nuôi lợn chất lượng cao.

12

4.3. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRÊN THỰC ĐỊA

13

4.3.1. NHÓM SỞ THÍCH

Nhóm sở thích ngoài CLB



NST: Chăn nuôi bò sinh sản
T/L: 4/2005 với 17 thành viên



NST: Vườn ổi
T/L: 3/2005 với 27 thành viên

Nhóm sở thích trong CLB



MH: Lợn thịt hướng nạc
CNL hướng nạc
Thành lập: 9/2004 với 16 T.V



MH: Một buổi hội nghị đầu bờ
NST: Trồng lúa
5/2004 với 24 T.V



MH: Phân vi sinh Biogro
NST: Rau màu
9/2004; với 12 tăng 26 T.V

14

❖ **Bảng 1 . Kế hoạch và kết quả hoạt động của 5 NST trong 1 năm hoạt động**

Hoạt động	Ngoài CLB				Trong CLB					
	CNB sinh sản		Vườn đôi		CN.Lợn		Trồng lúa		Rau màu	
	KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH
Tập huấn (buổi)	3	3	3	3	3	3	4	4	4	4
Thăm quan (buổi)	1	1	1	0	1	1	2	2	1	1
Xây dựng MH (số lượng)	9	9	10	10	<u>4</u>	<u>3</u>	2	2	4	4
Sinh hoạt (tháng/lần)	1	1	1	1	<u>1</u>	<u>0</u>	1	1	1	1
Góp quỹ (mức độ)	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ

Ghi chú: - KH: kế hoạch; TH: Thực hiện; MH: mô hình

15

4.3.2. NHÓM LIÊN KẾT

Sau 2 năm dự án đã thành lập được 6 nhóm liên kết CNL CLC



❖ **Một số hình ảnh về lễ ra mắt các nhóm liên kết**



TỔ CHỨC NHÓM LIÊN KẾT NÔNG DÂN CHĂN NUÔI LỢN
Organize pig breeder collaboration groups

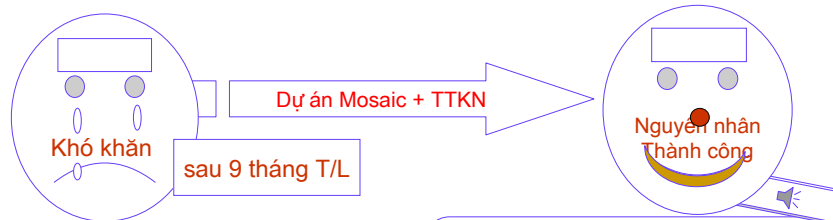
16

❖ Ví dụ: Nhóm liên kết chăn nuôi lợn chất lượng cao thôn Hội Động
 Bảng 2. Kết quả hoạt động của NLK CNL CLC sau 2 năm hoạt động

Mục tiêu hoạt động	KQ mong đợi (số hộ T/H được)	KQ đạt được từ tháng 1 - 9/2004	KQ đạt được từ tháng 10/04 - 11/2005
Thực hiện QTKT chung			
Thay đổi cơ cấu giống	100%	0%	100 %
Tự phối trộn khẩu phần	100%	<u>100%</u>	100%
Tiêm phòng định kỳ	100%	<u>80%</u>	100%
Thực hiện các H/Đ chung			
Mua chung con giống	100%	0%	80%
Mua chung thức ăn	100%	0%	100%
Chung dịch vụ thú y	100%	<u>80%</u>	100%
Bán SP chung cho lò mổ	100%	0%	<u>70%</u>

17

❖ Nhận xét

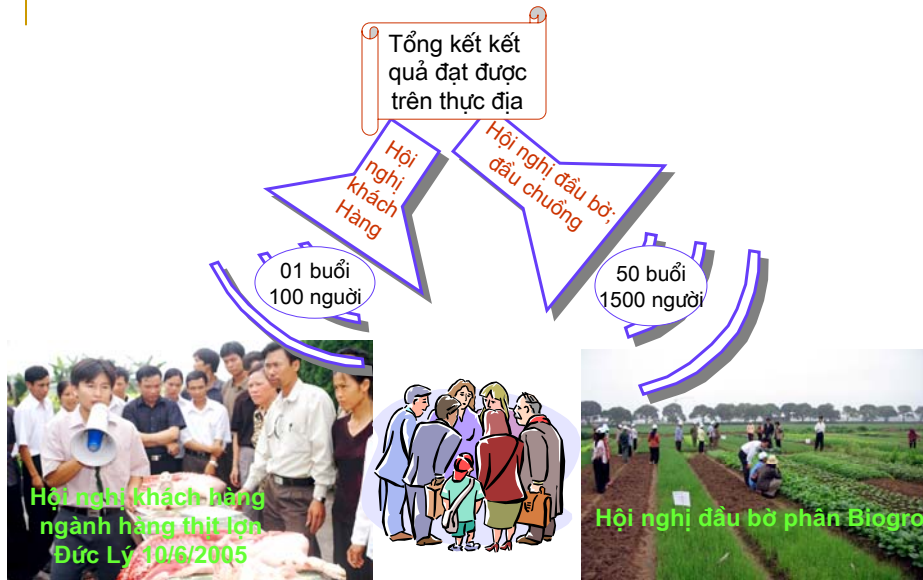


1. Chưa có kế hoạch sản xuất
2. Chưa có mô hình thử nghiệm
3. Thiếu thông tin về thị trường
4. Tư vấn theo dõi nhóm còn hạn chế

1. Tư vấn XD kế hoạch sản xuất
2. Hỗ trợ XD mô hình thử nghiệm
3. Thăm quan, trao đổi với các đối tác
4. Tăng cường việc tư vấn theo dõi

18

4.4. PHỔ BIẾN KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRÊN THỰC ĐỊA



4.5 TỔNG KẾT THÀNH TÀI LIỆU PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC NÔNG DÂN & ĐÀO TẠO CHO KNVCS

❖ TỔNG KẾT THÀNH TÀI LIỆU



**TÀI LIỆU PHƯƠNG PHÁP
TỔ CHỨC NÔNG DÂN
(DÙNG CHO KNVCS)**

HÀ NỘI - 2005

MỤC LỤC

Phần I

Một số khái niệm cơ bản về TCND

Phần II

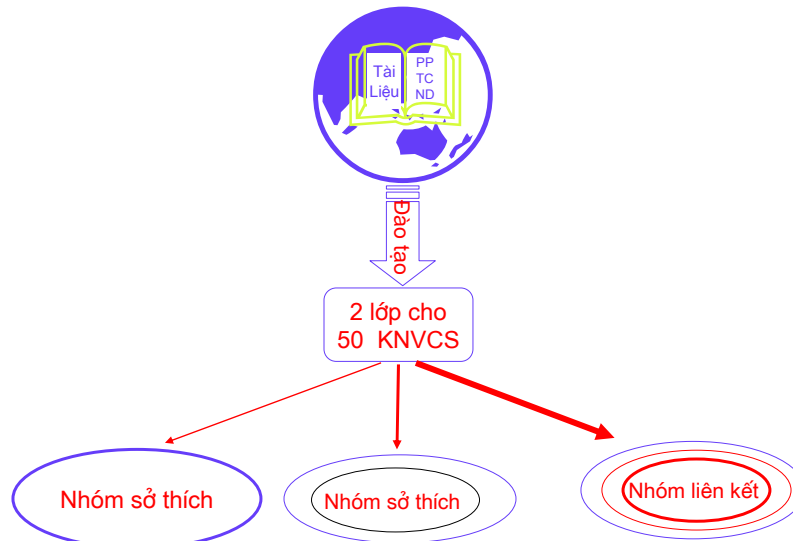
Lợi ích của các TCND; phương pháp
thành lập và tư vấn theo dõi

Phần III

Phụ lục

21

❖ ĐÀO TẠO CHO KHUYẾN NÔNG VIÊN CƠ SỞ



22

V. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

23

5.1. Kết luận

1. Việc thành lập các hình thức TCND tại cấp xã và cấp thôn xóm (NST và NLK) thực sự là cần thiết và phù hợp với chính sách của nhà nước Việt Nam; **đáp ứng đa dạng nhu cầu SX của các đối tượng nông dân.**
2. Khi được đào tạo và tư vấn về phương pháp TCND, KNVCS hoàn toàn có khả năng tự thành lập và tư vấn tốt cho các TCND.
3. Tài liệu phương pháp TCND được tổng kết trong dự án đã được sử dụng để đào tạo cho 50 KNVCS tại Hà Nam. Kết quả được KNVCS tiếp nhận tốt. Tuy nhiên chưa có đủ thời gian để theo dõi thực hành của KNVCS.
4. Do thời gian thực hiện dự án còn hạn chế nên chưa đào tạo được cho các trưởng nhóm về phương pháp xây dựng kế hoạch SX; tổ chức và điều khiển các buổi sinh hoạt. Chưa nhân rộng được mô hình các NST và NLK ra các địa phương khác.

24

5.2. Đề nghị

1. Tiếp tục tư vấn, theo dõi các KNVCS đã được đào tạo về phương pháp xây dựng NST và NLK, giúp họ duy trì và nhân rộng 02 mô hình TCND có hiệu quả trên diện rộng.
2. Tiếp tục mở lớp đào tạo phương pháp TCND cho 70 KNVCS còn lại trong tỉnh Hà Nam và 100% KNVCS các tỉnh khác
3. Mở các lớp đào tạo cho các trưởng nhóm kỹ năng về điều khiển các buổi sinh hoạt, phương pháp xây dựng kế hoạch hoạt động, kế hoạch sản xuất....
4. Đưa nội dung cuốn tài liệu “**Phương pháp TCND**” lên trang web của TTKN Quốc gia để có thể phổ biến cho mạng lưới KNVCS.
5. Đề nghị các tỉnh có chính sách phù hợp để thu hút sự hợp tác với các tổ chức trong và ngoài nước nhằm trao đổi kinh nghiệm trong hoạt động **Tổ chức nông dân và nhân rộng mô hình TCND trên diện rộng**

25



Sản xuất và marketing theo nhóm - Từ thực tiễn của Tổ hợp chăn nuôi xóm Khả, xã Quý Hòa, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình



◀ helvetas ▶

Xóm Khả, xã Quý Hòa, huyện Lạc Sơn



Bối cảnh hình thành tổ hợp chăn nuôi

- Khởi xướng lớp học hiện trường theo lĩnh vực (phân tích sản phẩm, nhu cầu quá khứ, hiện tại, tương lai, khó khăn gặp phải → xác định chủ đề học tập)
- Lợn thịt có tiềm năng đóng góp vào kinh tế của người dân xóm Khả, xã Quý Hòa.
- Khó khăn gặp phải:
 - Giá vật tư (con giống, thức ăn) cao do khoảng cách vận chuyển xa.
 - Chất lượng vật tư không đảm bảo do mua của các thương lái và đại lý bán lẻ địa phương
 - Thiếu kỹ thuật chăn nuôi
 - Giá bán lợn thịt thấp hơn so với vùng thuận tiện

Bối cảnh hình thành tổ hợp chăn nuôi

- Hình thành ý tưởng chăn nuôi lợn thịt theo nhóm với mục đích:
 - Giảm chi phí sản xuất thông qua tổ chức mua vật tư theo nhóm
 - Tận dụng sự hỗ trợ kỹ thuật từ bên ngoài bằng cách tổ chức lớp học kỹ thuật chăn nuôi theo nhóm.
 - Tổ chức bán sản phẩm theo tập thể để tăng vị thế thương thuyết khi giao dịch và tận dụng cước phí vận chuyển

Tiến trình thực hiện và kết quả đạt được đến nay

- Tham quan Hợp tác xã Chăn nuôi lợn Hợp Thành (Lương Sơn)
 - Học được kinh nghiệm chăn nuôi
 - Học kinh nghiệm quản lý nhóm, tổ chức và liên hệ mua con giống, thức ăn
- Tập huấn về đánh giá nhanh thị trường
 - Có được những kiến thức cơ bản về thị trường và chuỗi thị trường.
 - Trang bị và thực hành các kỹ năng giao tiếp, phỏng vấn, thu thập thông tin và trình bày

Tiến trình thực hiện và kết quả đạt được cho đến nay

- Đánh giá nhanh thị trường lợn thịt (lần theo chuỗi sản phẩm lợn thịt của Quý Hòa)
 - Xu thế nhu cầu của thị trường về lợn thịt
 - Tình mùa vụ của nguồn cung và nguồn cầu
 - Nhu cầu của khách hàng về chất lượng thịt lợn
 - Các giống lợn được người tiêu dùng ưa thích
 - Kỹ thuật chăn nuôi cho lợn thịt có chất cao
 - Các nguồn cung cấp giống, thức ăn có uy tín và chất lượng cao
 - Địa chỉ liên hệ có thể để bán hàng
 - Khó khăn người chăn nuôi gặp phải
 - Các nguồn vốn vay

Tiến trình thực hiện và kết quả đạt được

cho đến nay

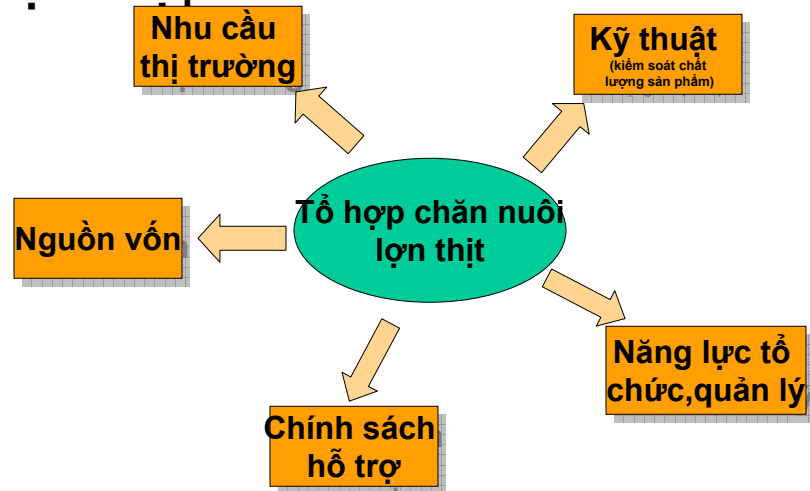
- Đưa ra các khuyến nghị về:
 - Nguồn cung cấp đầu vào (giống, thức ăn)
 - Kỹ thuật chăn nuôi để đảm bảo chất lượng thịt được khách hàng ưa thích
 - Nguồn vốn có thể hướng tới
 - Thời điểm chăn nuôi và bán ra thị trường phù hợp.
- Trình bày kết quả đánh giá nhanh thị trường với người quan tâm trong thôn bản

Tiến trình thực hiện và kết quả đạt được

cho đến nay

- Hình thành tổ hợp chăn nuôi
 - Không theo hình thức hợp tác xã
 - Bầu ban quản lý
 - Sàng lọc các thành viên
 - Xây dựng kế hoạch kinh doanh và quy chế tổ hợp
- Vay vốn kinh doanh
 - Nguồn vốn hướng tới là Quỹ Quốc gia giải quyết việc làm 120 (lãi suất 0,65%/tháng)

Các yếu tố quyết định sự thành công của một tổ hợp



Các khó khăn trong quá trình thực hiện

- Tiếp cận nguồn vốn
 - Các nguồn vốn kinh doanh hoặc từ thương lái địa phương cho lãi suất cao
 - Nguồn vốn ưu đãi nhà nước: thời gian giải ngân chậm, "các chi phí không chính thức", cản trở về mặt thể chế
- Năng lực
 - Thiếu năng lực tổ chức, quản lý
 - Thiếu thông tin và kiến thức về thị trường
 - Cán bộ hỗ trợ (cán bộ khuyến nông lâm huyện) thiên về kỹ thuật, thiếu kiến thức và kỹ năng về thị trường và marketing sản phẩm

Đề xuất giải pháp cho tổ hợp

- Nâng cao năng lực cho Ban quản lý tổ hợp (thu thập thông tin thị trường, kỹ năng tổ chức, quản lý, xây dựng kế hoạch kinh doanh)
- Tiếp tục chăn nuôi với quy mô nhỏ, chờ đến khi có nguồn vốn mới bắt đầu sản xuất, kinh doanh với quy mô lớn hơn.
- Xây dựng quy chế quản lý tài chính minh bạch khi vay được vốn.

Các đề xuất khác

- Thay đổi cơ chế quản lý nguồn vốn vay nhà nước bằng cách
 - Phân cấp quản lý tới cấp huyện → giảm bớt quy trình và thời gian vay vốn
 - Sử dụng kế hoạch kinh doanh của các nhóm hộ và cá nhân như một điều kiện tiên quyết để vay vốn
 - Thiết lập cơ chế quản lý nguồn vốn minh bạch → giảm bớt các “chi phí không cần thiết” cho người sản xuất.

Các đề xuất khác

- Nâng cao năng lực tổ chức, quản lý, marketing cho các nhóm nông dân thông qua hệ thống khuyến nông lâm
- Trang bị cho cán bộ khuyến nông lâm kiến thức và kỹ năng về marketing nông nghiệp, kỹ năng thúc đẩy, thu thập thông tin thị trường, xây dựng kế hoạch kinh doanh → hỗ trợ các nhóm sản xuất hiệu quả.